Ngày 30 tháng 03 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**CHỦ ĐỀ 10: NĂNG LƯỢNG VÀ CUỘC SỐNG**

**Bài 41: NĂNG LƯỢNG**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 4 tiết

**I. Mục tiêu:**

***1. Về kiến thức:***

- Lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.

- Phân loại được năng lượng theo tiêu chí.

- Nêu được vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu.

- Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng.

***2. Về năng lực:***

*- Năng lực chung*: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo

*- Năng lực tự nhiên*: nhận thức KHTN; tìm hiểu KHTN; vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực để giải thích một số hiện tượng.

***3. Về phẩm chất:***

- Kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận trong quá trình quan sát và phân tích, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

- Khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm;

- Tạo hứng thú và khám phá học tập KHTN.

***\* Tích hợp GDBVMT:***

*Mục “*Các dạng năng lượng*”*

+ Quang năng: Sử dụng tiết kiệm năng lượng điện: sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, tận dụng nguồn năng lượng AS tự nhiên, đặc biệt là năng lượng tái tạo thay thế cho năng lượng hóa thạch…

+ Nhiệt năng: Tiết kiệm nhiên liệu, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng năng lượng AS mặt trời, địa nhiệt…

+ Hóa năng: - Thu gom và xử lý pin cũ, tránh vứt bừa bãi gây ÔNMT, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng nhiên liệu sinh học

+ Nhiên liệu và năng lượng tái tạo: Việc khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo cũng cần lưu ý bảo vệ MT: các tấm pin năng lượng mặt trời cần được thu gom và xử lý đúng cách; xây dựng các nhà máy thủy điện cần chú ý bảo vệ rừng và HST của các dòng sông…

+ Năng lượng hao phí: - Biện pháp tiết kiệm năng lượng, ý thức sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng

*Mục: Nhiên liệu và năng lượng tái tạo*

- Giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm và hợp lí nhiên liệu.

- Tăng cường khai thác sử dụng nhiên liệu sạch, hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch.

- Tiết kiệm năng lượng là tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên

- Biến đổi khí hậu làm gia tăng các dạng năng lượng xấu: Năng lượng gió quá mạnh gây hại đến sản xuất và đời sống. Cần có các biện pháp phòng chống biến đổi khí hậu.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

- Dụng cụ thí nghiệm (bóng bay, nam châm, con lắc đơn,….);

- Hình ảnh, video clip;

- PowerPoint hỗ trợ bài dạy; bố trí không gian lớp học;

- Phiếu học tập:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **NHÓM: …………** | | |
| **Nhiệm vụ:** Phân tích các dạng năng lượng | | |
| Hình 1: | Động năng | Ví dụ: xe chạy trên đường ……………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Hình 2: | Thế năng trọng trường | Máy bay bay trên trời  ……………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Hình 3: | Thế năng đàn hồi | Cung tên đang giương  ……………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Hình 4: | Quang năng | ………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………… |
| Hình 5: | Nhiệt năng | ………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………… |
| Hình 6: | Điện năng | ………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………… |
| Hình 7: | Hóa năng | ………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………… |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **NHÓM: …………** |
| **Nhiệm vụ: Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống để nêu được các tiêu chí phân loại dạng năng lượng.** |
| Để phân loại năng lượng ta dựa vào các tiêu chí:  1*. Nguồn năng lượng:*  ………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………  *2. Nguồn gốc vật chất của năng lượng:*  .……………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………  *3. Mức độ ô nhiễm môi trường:*  ………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………… |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **NHÓM: …………** | | |
| **Nội dung** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| **Thí nghiệm va chạm giữa hai vật** | + Vật 1 đang có năng lượng dạng nào? |  |
| + Vật 1 trong hai trường hợp, trường hợp nào có năng lượng lớn hơn? Vì sao? |  |
| + Khi vật 1 va chạm vật 2, hiện tượng gì xảy ra? |  |
| + Lực trong trường hợp nào lớn hơn? Vì sao? |  |
| **Mối liên hệ giữa năng lượng và lực** | + Năng lượng gió trong hình nào lớn hơn? |  |
| + Lực tác dụng của gió trong hình nào mạnh hơn? |  |
| + Mối liên hệ giữa năng lượng và lực như thế nào? |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **NHÓM: …………** | | |
| **Nội dung** | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| **Nhiên liệu** | Định nghĩa của nhiên liệu |  |
| Ví dụ minh họa của nhiên liệu |  |
| **Năng lượng tái tạo** | Năng lượng tái tạo là gì? |  |
| Ví dụ minh họa. |  |

Rubric1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 2 CỦA NHÓM**  Tên nhóm đánh giá: ………………………………………………………………...  Tên nhóm được đánh giá: ………………………………………………………….. | | | | |
| Tiêu chí | Mức độ | | | Điểm |
| Mức 3 | Mức 2 | Mức 1 |  |
| 1. KHTN.1.2  Thí nghiệm đặc trưng của năng lượng | Lắp đúng mô hình thí nghiệm, tiến hành đúng thí nghiệm  (4 điểm) | Lắp đúng mô hình thí nghiệm;  tiến hành thí nghiệm còn sai lệch  (3 điểm) | Lắp đúng mô hình thí nghiệm  (2 điểm) |  |
| 1. KHTN.1.2  Phân tích nội dung tranh | Phân tích đúng, nắm rõ nội dung tranh và trả lời câu hỏi đúng, kết luận mối liện hệ năng lượng và lực  (4 điểm) | Phân tích đúng nội dung tranh, trả lời đúng các câu hỏi  (3 điểm) | Phân tích được nội dung tranh  (2 điểm) |  |
| 8. GTHT.1.4  Thuyết trình cho nội dung thảo luận. | Thuyết trình đủ ý (cách tiến hành thí nghiệm, các nội dung câu trả lời) trong 3 phút.  (2 điểm) | Thuyết trình đủ ý (cách tiến hành thí nghiệm, các nội dung câu trả lời) hơn 3 phút.  (1,5 điểm) | Thuyết trình chưa đủ ý (cách tiến hành thí nghiệm, các nội dung câu trả lời)  (1 điểm) |  |
| Tổng điểm |  | | | |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Dự kiến thời gian: 10’)*

**Chơi trò chơi**

*a. Mục tiêu*: Đưa ra các tình huống có vấn đề.

*b. Nội dung*: HS trả lời các câu hỏi sau:

- Hằng ngày để hoạt động thì cơ thể cần yếu tố gì?

- Năng lượng được cung cấp từ đâu?

- Năng lượng dùng trong những trường hợp nào?

- Kể tên một số dạng năng lượng mà em biết?

*c. Sản phẩm*: Câu trả lời của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***\* Giao nhiệm vụ học tập:***

***-* Thông báo luật chơi:** Mỗi nhóm HS hoàn thành một phiếu trả lời câu hỏi. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm.

**- Giao nhiệm vụ học tập: yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:**

+ Hằng ngày để hoạt động thì cơ thể cần yếu tố gì?

+ Năng lượng được cung cấp từ đâu?

+ Năng lượng dùng trong những trường hợp nào?

+ Kể tên một số dạng năng lượng mà em biết?

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** yêu cầu HS đọc tài liệu và vận dụng thực tế cuộc sống.

***\* Báo cáo, thảo luận:*Thu phiếu học tập của các nhóm**

***\* Kết luận, nhận định:* Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:**

Các em đã đưa ra nhận định của mình về năng lượng. Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời các câu hỏi sau:

+ HS đã biết được những gì về năng lượng

+ HS đã nghe năng lượng trong những trường hợp nào?

+ HS muốn biết thêm những gì từ bài năng lượng này? **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 125’)*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 125’)*

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các dạng năng lượng** *(Dự kiến thời gian: 35’)*

*a. Mục tiêu:*

- Tìm hiểu một số dạng năng lượng trong cuộc sống.

- Phân loại được các dạng năng lượng theo tiêu chí

- Chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ bạn học trong hoạt động nhóm.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo bàn để làm rõ mục tiêu trên.

*c. Sản phẩm*: phiếu học tập của học sinh

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

***+*** Thông báo các tiêu chí đánh giá hoạt động 2 đến các nhóm.

***+*** Yêu cầu HS quan sát hình ảnh 41.1a đến hình 41.1g SGK hoạt động theo bàn hoàn thành phiếu học tập số 1

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

***+*** Mỗi bàn sẽ thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm

- HS quan sát các hình ảnh, nhận biết hình ảnh này ứng với dạng năng lượng.

- Các nhóm thực hành phân tích hình ảnh và ghép với dạng năng lượng.

- Lấy thêm ví dụ về từng dạng năng lượng.

- Tham khảo tài liệu tìm hiểu có bao nhiêu tiêu chí phân loại dạng năng lượng.

**-** Phân loại các dạng năng lượng theo tiêu chí: yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 2

***- Báo cáo, thảo luận:***

***+*** Chọn 2 HS đại diện 1 bàn lên bảng trình bày kết quả

+ Mời nhóm khác nhận xét

+ GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung

***- Kết luận, nhận định***

+ Tổng hợp để đi đến kết luận về một số dạng năng lượng.

+ Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về một số dạng năng lượng.

⇒ Các dạng năng lượng: Động năng, thế năng trọng trường, thế năng đàn hồi, quang năng, nhiệt năng, điện năng, hóa năng.

***\** TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

+ Quang năng: Sử dụng tiết kiệm năng lượng điện: sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, tận dụng nguồn năng lượng AS tự nhiên, đặc biệt là năng lượng tái tạo thay thế cho năng lượng hóa thạch…

+ Nhiệt năng: Tiết kiệm nhiên liệu, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng năng lượng AS mặt trời, địa nhiệt…

+ Hóa năng: - Thu gom và xử lý pin cũ, tránh vứt bừa bãi gây ÔNMT, hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, tăng cường sử dụng nhiên liệu sinh học

+ Nhiên liệu và năng lượng tái tạo: Việc khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo cũng cần lưu ý bảo vệ MT: các tấm pin năng lượng mặt trời cần được thu gom và xử lý đúng cách; xây dựng các nhà máy thủy điện cần chú ý bảo vệ rừng và HST của các dòng sông…

+ Năng lượng hao phí: - Biện pháp tiết kiệm năng lượng, ý thức sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu đặc trưng của năng lượng** *(Dự kiến thời gian: 45’)*

*a. Mục tiêu:*

- Lấy được ví dụ chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.

- Phân tích thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, đưa ra đặc trưng của năng lượng.

*b. Nội dung*: GV giới thiệu tranh hình 41.2 và 41.3, thong qua quan sát các hoạt động, hiện tượng, HS liên hệ được giữa năng lượng mà các vật có và khả năng tác dụng lực của nó lên các vật khác thể hiện ở sự thay đổi chuyển động hoặc sự biến dạng, từ đó hiểu được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng của lực.

*c. Sản phẩm*: Phiếu học tập.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

+ Thông báo các tiêu chí đánh giá hoạt động 3 đến các nhóm.

- Giáo viên thông báo các tiêu chí đánh giá hoạt động 3 đến các nhóm.

- GV sử dụng dạy học hợp tác, hình thức làm việc nhóm:

- Học sinh quan sát hình ảnh mô hình thí nghiệm, nắm hai trường hợp cụ thể.

- HS tiến hành thực hiện thí nghiệm, nhận xét và trả lời các câu hỏi:

+ Vật 1 đang có năng lượng dạng nào?

+ Vật 1 trong hai trường hợp, trường hợp nào có năng lượng lớn hơn? Vì sao?

+ Khi vật 1 va chạm vật 2, hiện tượng gì xảy ra?

+ Lực trong trường hợp nào lớn hơn? Vì sao?

- HS quan sát thêm ví dụ minh hóa về hai ảnh về sức thổi của gió, trả lời các câu hỏi:

+ Năng lượng gió trong hình nào lớn hơn?

+ Lực tác dụng của gió trong hình nào mạnh hơn?

+ Mối liên hệ giữa năng lượng và lực như thế nào?

- Mỗi nhóm hoàn thành các câu hỏi vào phiếu học tập số 3.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết

***- Báo cáo, thảo luận:***

- Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án

- Mời nhóm khác nhận xét

- GV phân tích , chọn phương án

***- Đánh giá:*** Theo rubric 1

***- Kết luận, nhận định:*** Yêu cầu học sinh kết luận về đặc trưng của năng lượng.

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu nhiên liệu và năng lượng tái tạo** *(Dự kiến thời gian: 45’)*

*a. Mục tiêu*:

- Lấy được ví dụ về 1 số loại năng lượng tái tạo thông dụng.

- Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu.

*b. Nội dung*: GV giới thiệu các tranh hình từ 41.4a đến 41.4c. Thông qua quan sát tranh hình và thảo luận các nội dung trong SGK, với mỗi trường hợp, HS nêu được các năng lượng sử dụng trong đó và cho biết loại năng lượng nào là hữu hạn hay vô hạn.

*c. Sản phẩm*: Phiếu học tập.

*d. Tổ chức thực hiện*:

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

- Yêu cầu mỗi học sinh xem tài liệu, liên tưởng đến việc đốt nhiên liệu trong đời sống, trả lời nhiên liệu là gì? Lấy ví dụ minh họa trong đời sống.

- Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi quan sát các tranh ảnh và tìm hiểu năng lượng tái tạo

+ Năng lượng trong các hình là dạng nào?

+ Nguồn gốc của các nguồn cung cấp của vật chất?

+ Dựa vào các tiêu chí ở hoạt động 2, nó thuộc loại năng lượng nào?

Từ đó HS kết luận năng lượng tái tạo là gì? Lấy thêm các ví dụ minh họa. Hoàn thành vào phiếu học tập số 4.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ

***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết

***- Báo cáo, thảo luận:***

- Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án

- Mời nhóm khác nhận xét

- GV phân tích , chọn phương án

***- Đánh giá:*** - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn

Tích cực trong quá trình tìm hiểu tài liệu

1 2 3 4 5

Trình bày trôi chảy, mạch lạc

1 2 3 4 5

Lấy được ví dụ minh họa chính xác

1 2 3 4 5

***- Kết luận, nhận định:*** Yêu cầu học sinh kết luận về năng lượng tái tạo, nguyên tắc sử dụng năng lượng tái tạo và một số lĩnh vực ứng dụng năng lượng tái tạo

***\** TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU *\* Tích hợp GDBVMT:***

- Giáo dục học sinh sử dụng tiết kiệm và hợp lí nhiên liệu.

- Tăng cường khai thác sử dụng nhiên liệu sạch, hạn chế sử dụng nhiên liệu hoá thạch.

- Tiết kiệm năng lượng là tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên

- Biến đổi khí hậu làm gia tăng các dạng năng lượng xấu: Năng lượng gió quá mạnh gây hại đến sản xuất và đời sống. Cần có các biện pháp phòng chống biến đổi khí hậu. **Hoạt động 3: Luyện tập** *(Dự kiến thời gian: 15’)*

*a. Mục tiêu*: Học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK.

*b. Nội dung*: Kể tên một số năng lượng tái tạo mà em đã biết.

*c. Sản phẩm*: Vở ghi chép.

*d. Tổ chức thực hiện*:

- Giao nhiệm vụ học tập: Kể tên một số năng lượng tái tạo mà em đã biết.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, ghi vào vở.

- Báo cáo, thảo luận: HS trả lời, HS khác nhận xét

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét

**Hoạt động 4: Vận dụng** *(Dự kiến thời gian: 30’)*

*a. Mục tiêu*: Củng cố và vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và đời sống

*b. Nội dung*: Mỗi nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy (khuyết) và các bài tập 1,2,3 SGK.

*c. Sản phẩm*: Bảng SĐTD và hoàn thành bài tập sgk

*d. Tổ chức thực hiện*:

- Giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm có nhóm trưởng và một thư ký phân công các bạn để hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu mỗi nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy (khuyết) và các bài tập 1,2,3 SGK.

- Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, ghi vào vở.

- Báo cáo, thảo luận: Các nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét

Ngày 29 tháng 03 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**BÀI 42: BẢO TOÀN NĂNG LƯỢNG VÀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 5 tiết

**I. Mục tiêu**

***1. Về kiến thức***

- Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn.

- Lấy được ví dụ chứng tỏ năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.

- Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyề từ vật này sang vật khác.

- Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hàng ngày.

***2. Về năng lực***

*- Năng lực chung:*

+ Tự chủ và tự học: Tự học có hướng dẫn của GV.

+ Giao tiếp và hợp tác: Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả; Biết sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Dự đoán và đưa các kết luận; Vận dụng nêu ra các biện pháp tiết kiệm năng lượng.

*- Năng lực khoa học tự nhiên:*

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được sự truyền năng lượng, sự chuyển hóa năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn và định luật bảo toàn năng lượng; Nêu được khái niệm về năng lượng có ích và năng lượng nào là hao phí;

+ Tìm hiểu tự nhiên: Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Lấy được ví dụ minh họa; Nhận biết được phần năng lượng có ích, hao phí khi sử dụng năng lượng; Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng.

***3. Về phẩm chất***

- Kiên trì, cẩn thận trong quá trình quan sát, thu thập và xử lí thông tin, tổng hợp và dự đoán các quy luật; Trách nhiệm trong hoạt động nhóm;

- Nhiệt tình và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; Khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**-** Giáo án, SGK, SBT

- Máy tính, projector, tranh ảnh

- Giấy A3, bút dạ

- Phiếu học tập:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **NHÓM ……….** | | | | | | |
| **STT** | **Thiết bị** | **Năng lượng cung cấp** | | **Năng lượng xuất hiện** | | |
| 1 | Quạt điện |  | |  | | |
| 2 | Đèn điện |  | |  | | |
| 3 | Đồng hồ |  | |  | | |
| 4 | Pin Mặt Trời |  | |  | | |
| 5 | Bếp điện |  | |  | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **NHÓM….** | | | | | | |
| **STT** | **Hoạt động/Thiết bị** | **Năng lượng** | **Chuyển**  **hóa**  **thành** | | **Năng lượng** | |
| 1 | Hình 42.3a |  |  | |
| 2 | Hình 42.3b |  |  | |
| 3 | Hình 42.3c |  |  | |
| 4 | Hình 42.3d |  |  | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **NHÓM….** | | | | | | |
| **STT** | **Thiết bị** | **Năng lượng có ích** | | | **Năng lượng hao phí** | |
| 1 | Hình 42.5 |  | | |  | |
| 2 | Hình 42.6 |  | | |  | |
| 3 | Hình 42.7 |  | | |  | |
| 4 | Hình 42.8 |  | | |  | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **NHÓM….** | | | | | | |
| **STT** | **Hoạt động** | | | | | **Sử dụng nặng lượng hiệu quả (🗹)** |
|  | Tắt các thiết bị khi không sử dụng | | | | |  |
|  | Để các thực phẩm có nhiệt độ cao (còn nóng) vào tủ lạnh | | | | |  |
|  | Ngắt tủ lạnh ra khỏi nguồn điện khi nhiệt độ ổn định | | | | |  |
|  | Để điều hòa ở mức trên 200C | | | | |  |
|  | Bật lò vi sóng trong phòng có máy lạnh | | | | |  |
|  | Sử dụng bóng đèn dây tóc thay cho bóng đèn Led | | | | |  |
|  | Chỉ dùng máy giặt khi có đủ lượng quần áo để giặt | | | | |  |
|  | Khi không sử dụng các thiết bị như máy tính, ti vi,… nên để ở chế độ chờ. | | | | |  |
|  | Sử dụng nước sinh hoạt với một lượng nước vừa đủ nhu cầu. | | | | |  |
|  | Sử dụng điện mặt trời trong trường học | | | | |  |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Dự kiến thời gian: 10’)*

**Chơi trò chơi**

*a. Mục tiêu*: Tạo ra cho HS hứng thú để vào bài mới.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho HS quan sát, dựa trên kiến thức bài trước để hoàn thành nội dung phiếu học tập.

*c. Sản phẩm*: Phiếu học tập số 1

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Thông báo luật chơi:*** Quan sát tranh để trả lời câu hỏi. Kết thúc trò chơi, các nhóm đánh giá lẫn nhau, cho điểm từng nhóm.

***- Giao nhiệm vụ học tâp:***

***+*** Quan sát nhanh hình ảnh trong tranh cho biết dạng năng lượng cung cấp cho thiết bị và dạng năng lượng xuất hiện là dạng nào trong các dạng năng lượng đã biết? (Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là 2 phút.)

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ Chiếu các hình ảnh trên tivi để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.

***- Thu phiếu học tập của các nhóm***

***- Kết luận, nhận định: GV chốt lại và đặt vấn đề vào bài:*** Qua trò chơi vừa rồi, các em thấy khi quạt điện hoạt động, điện năng đã chuyển hóa thành cơ năng làm quay cánh quạt, chúng ta sản xuất được pin Mặt Trời nhờ sự chuyển hóa năng lượng ánh sáng Mặt Trời thành điện năng dự trữ ở tấm pin…. Vậy sự biến đổi giữa các dạng năng lượng này có tuân theo quy luật nào không? Bài hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 170’)*

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu sự truyền năng lượng giữa các vật** *(Dự kiến thời gian: 15’)*

*a. Mục tiêu*: Thông qua quan sát hình 42.1, 42.2, HS nêu được có sự truyền năng lượng từ vật nào sang vật nào.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho HS hoạt động đôi để làm rõ mục tiêu trên.

*c. Sản phẩm*: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

***+*** Quan hình 42.1, 42.2 cho biết năng lượng đã truyền đi như thế nào?

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS ghép cặp để thảo luận trả lời câu hỏi.

***- Báo cáo, thao luận:***

+ Chọn 1 cặp đôi lên trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

+ GV nhận xét và chốt lại sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung.

*+ Khi phơi thóc, hạt thóc nhận năng lượng từ Mặt Trời.*

*+ Rót nước vào cốc nước đá thì nước tryền năng lượng sang cốc nước đá.*

***- Kết luận, nhận định***

+ Tổng hợp đi đến kết luận về sự truyền năng lượng giữa các vật.

+ Yêu cầu HS chốt lại kết luận.

🡪 Năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu sự chuyển hóa năng lượng giữa các dạng** *(Dự kiến thời gian: 20’)*

*a. Mục tiêu*: Thông qua quan sát hình 42.3, HS nêu được có sự chuyển hóa năng lượng từ dạng này sang dạng khác.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

*c. Sản phẩm*: Phiếu học tập số 2

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

1. Quan sát hình 42.3 HS hoạt động nhóm cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 2?

2. Quan sát hoạt động của đèn giao thông trong hình SGK để phân tích sự chuyển hóa năng lượng.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

1. HS hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận.

2. HS hoạt động nhóm lớn thảo luận.

🡪 GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Chọn đại diện một nhóm lên trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

+ GV nhận xét và chốt lại sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung.

*1. Hình 42.3a: Cơ năng chuyển hóa thành nhiệt năng.*

*Hình 42.3b: Hóa năng chuyển hóa thành cơ năng.*

*Hình 42.3c: Điện năng chuyển hóa thành quang năng.*

*Hình 42.3d: Điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng.*

*2. Quang năng (Từ Mặt Trời) chuyển hóa thành điện năng( ở tấm pin), điện năng chuyển hóa thành quang năng (đèn phát sáng)*

***- Kết luận, nhận định***

+ GV đánh giá phần làm việc của các nhóm thông qua 2 nhiệm vụ trên.

+ GV chốt lại kết luận

🡪 Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.

*TB: Hiện tượng năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác được ứng dụng rất nhiều trong cuộc sống như chế tạo các động cơ nhiệt, động cơ điện, đèn thắp sáng…*

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu định luật bảo toàn năng lượng** *(Dự kiến thời gian: 45’)*

*a. Mục tiêu*: HS nêu được mối liên hệ giữa năng lượng cung cấp ban đầu với tổng năng lượng sau khi được truyền hoặc chuyển hóa.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thảo luận làm rõ mục tiêu trên.

*c. Sản phẩm*: Câu trả lời của các nhóm.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

1. Quan sát GV làm thí nghiệm hình 42.4, mô tả sự thay đổi năng lượng của viên bi.

2. Quan sát hoạt động của quạt điện cho biết điện năng cung cấp cho quạt chuyển hóa thành dạng năng lượng nào? Tổng các dạng năng lượng đó có bằng phần điện năng ban đầu cung cấp cho quạt không?

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS hoạt động nhóm lớn thảo luận, GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.

+ Gợi ý thực hiện nhiệm vụ 1;

*\* Độ cao của vật càng lớn thế năng của vật càng lớn, vật chuyển động càng nhanh động năng của vật càng lớn.*

*\* So sánh thế năng, động năng của viên bi khi chuyển động từ A tới B, từ B tới C?*

*\* So sánh thế năng, động năng của viên bi khi ở A và khi ở C?*

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Chọn đại diện một nhóm lên trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

*1. Khi viên bi chuyển động từ A đến B thế năng của bi giảm, động năng của bi tăng. Khi chuyển động từ B đến C, thế năng của bi tăng, động năng của bi giảm. Thế năng tại A lớn hơn thế năng tại C. Trong quá trình chuyển động, ngoài động năng và thế năng còn có sự xuất hiện của nhiệt năng.*

*2. Trong quá trình quạt hoạt động, điện năng đã chuyển hóa thành cơ năng làm quạt quay và nhiệt năng làm nóng quạt. Tổng hai dạng năng lượng này bằng năng lượng điện cung cấp cho quạt.*

***- Kết luận, nhận định***

+ GV đánh giá phần làm việc của các nhóm thông qua mỗi nhiệm vụ.

+ GV chốt lại kết luận sau khi kết thúc nhiệm vụ 1.

🡪 Định luật bảo toàn năng lượng: “Năng lượng không tự nhiên sinh ra cũng không tự nhiên mất đi, nó chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác”.

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu năng lượng hao phí** *(Dự kiến thời gian: 20’)*

*a. Mục tiêu*: HS chỉ ra được phần năng lượng có ích và phần năng lượng hao phí trong các sự chuyển hóa ở một số trường hợp cụ thể.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm cặp đôi để thảo luận làm rõ mục tiêu trên.

*c. Sản phẩm*: Câu trả lời của các nhóm.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

1. Quan sát hình ảnh 42.5 đến 42.7 hoàn thành phiếu học tập số 3.

2. Quan sát hình ảnh 42.8 hoàn thành phiếu học tập 3.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS hoạt động nhóm thảo luận, GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Chọn đại diện một nhóm lên trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

*1. Hình 42.5: Một phần nhiệt năng có ích (làm nóng nước trong ấm), một phần nhiệt năng hao phí ( làm nóng vỏ ấm và tỏa ra môi trường).*

*Hình 42.6: Phần cơ năng có ích (làm xe chuyển động), phần nhiệt năng hao phí (làm nóng ô tô và tỏa ra môi trường)*

*Hình 42.7: Phần cơ năng có ích (làm quạt quay), phần nhiệt năng hao phí (làm nóng quạt).*

*2. Hình 42.8: Phần quang năng có ích (làm đèn sáng), phần nhiệt năng hao phí (làm nóng đèn và tỏa ra môi trường).*

***- Kết luận, nhận định***

+ GV đánh giá phần làm việc của các nhóm thông qua mỗi nhiệm vụ.

+ GV chốt lại kết luận sau khi kết thúc nhiệm vụ 1.

🡪 Khi năng lượng truyền từ vật này sang vật khác hoặc chuyển hóa dạng này sang dạng khác luôn xuất hiện năng lượng hao phí.

**Hoạt động 2.5: Tìm hiểu về các hoạt động sử dụng năng lượng và các biện pháp tiết kiệm năng lượng*.*** *(Dự kiến thời gian: 25’)*

*a. Mục tiêu*: HS nêu được những hoạt động sử dụng năng lượng hiệu quả, hoạt động sử dụng năng lượng không hiệu quả.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thảo luận làm rõ mục tiêu trên.

*c. Sản phẩm*: Câu trả lời của các nhóm.

*d. Tổ chức thực hiện*:

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

1. Dựa trên kinh nghiệm và hiểu biết, hoàn thành phiếu học tập số 4.

2. Nêu một số lợi ích của việc thực hiện tiết kiệm năng lượng.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS hoạt động nhóm thảo luận, GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Chọn đại diện một nhóm lên trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

*Các hoạt động 2,3,5,6,7,8 sử dụng năng lượng không hiệu quả.*

***- Kết luận, nhận định***

+ GV đánh giá phần làm việc của các nhóm thông qua mỗi nhiệm vụ.

**Hoạt động 2.6: Tìm hiểu sự cần thiết phải tiết kiệm năng lượng và các biện pháp tiết kiệm năng lượng.** *(Dự kiến thời gian: 45’)*

*a. Mục tiêu*: HS thấy được cần thiết phải tiết kiệm năng lượng từ đó đề xuất các biện pháp tiết kiệm năng lượng.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thảo luận làm rõ mục tiêu trên.

*c. Sản phẩm*: Câu trả lời của các nhóm.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

1. Hãy nêu các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong cuộc sống hàng ngày.

2. Hãy nêu một số biện pháp tiết kiệm năng lượng khi sử dụng điện ở nhà.

***Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS hoạt động nhóm thảo luận, GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.

+ Gợi ý:

NV1: Đề xuất HS nêu các biện pháp tiết kiệm năng lượng như tiết kiệm: nhiên liệu cho các phương tiện giao thông.

NV2: Đề xuất HS nêu các biện pháp tiết kiệm điện năng trong gia đình với các thiết bị điện hay sử dụng như: nồi cơm điện, tủ lạnh, điều hòa, ti vi, đèn, quạt…

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Chọn đại diện một nhóm lên trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

Với mỗi nhiệm vụ các nhóm có thể thảo luận đề xuất các phương án tiết kiệm năng lượng khác nhau trong các hoạt động của cuộc sống.

***- Kết luận, nhận định***

+ GV đánh giá phần làm việc của các nhóm thông qua mỗi nhiệm vụ.

+ GV chốt lại kết luận.

🡪 Tiết kiệm năng lượng là một yêu cầu cấp thiết đối với mọi lĩnh vực, mọi cá nhân nhằm đảm bảo an ninh năng lượng

**Hoạt động 3: Luyện tập** *(Dự kiến thời gian: 30’)*

*a. Mục tiêu*: HS sử dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.

*b. Nội dung*: GV tổ chức HS thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

*c. Sản phẩm*: Phần trình bày của HS.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

Hãy kể ra một thiết bị tiêu tốn nhiều năng lượng, chỉ ra sự chuyển hóa năng lượng ở thiết bị đó, phần năng lượng có ích và hao phí, cách tiết kiệm năng lượng cho thiết bị đó.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS hoạt động nhóm thảo luận, GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Chọn đại diện một nhóm lên trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

***- Kết luận, nhận định***

+ GV đánh giá phần làm việc của các nhóm thông qua mỗi nhiệm vụ.

**Hoạt động 4: Vận dụng** *(Dự kiến thời gian: 15’)*

*a. Mục tiêu*: HS vận dụng các kiến thức thực tế để trả lời câu hỏi trong thực tế.

*b. Nội dung:* GV tổ chức HS thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

*c. Sản phẩm*: Phần trình bày của HS.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

+ Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp cho GV.

+ Câu hỏi:

1. Em hãy nêu hậu quả của việc không tiết kiệm năng lượng trong cuộc sống.

2. Ở gia đình em đã thực hiện tiết kiệm năng lượng bằng những việc làm cụ thể nào?

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

+ Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết.

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV Ngày 29 tháng 03 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 10: NĂNG LƯỢNG VÀ CUỘC SỐNG**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Ôn tập lại kiến thức đã học

- Hoàn thiện giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên để chuẩn bị kiểm tra học kì II.

**2. Về năng lực**

**- Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề.

+ Giao tiếp và hợp tác: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

+ Giải quyết vấn đề: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập.

**- Năng lực khoa học tự nhiên:**

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về các chủ đề đã học ở HKII.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập.

**3. Về phẩm chất**

- Yêu thích thế giới tự nhiên, yêu thích khoa học.

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm.

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong môn học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Tranh ảnh, slide, máy chiếu, SGV, ...

- Vở ghi, SGK, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước.

- Phiếu học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Dự kiến thời gian: 5’)*

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng khởi cho HS vào bài.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:** Nhằm giúp các em củng cố lại các kiến thức và kỹ năng đã được học trước khi kiểm tra cuối kì II. Hôm nay chúng ta sẽ giúp các em hệ thống thống lại kiến thức đã được học.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Giáo viên cho HS suy nghĩ vấn đề đặt ra.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Giáo viên sẽ nhận xét, đánh giá một số ý kiến.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**Đánh giá HS theo nhu cầu bài học cần tìm hiểu.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 10’)* **Ôn tập kiến thức về chủ đề 10**

**a) Mục tiêu:** HS hệ thống hóa được kiến thức về các dạng năng lượng và cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:** GV sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm với kĩ thuật sơ đồ tư duy. GV hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề.

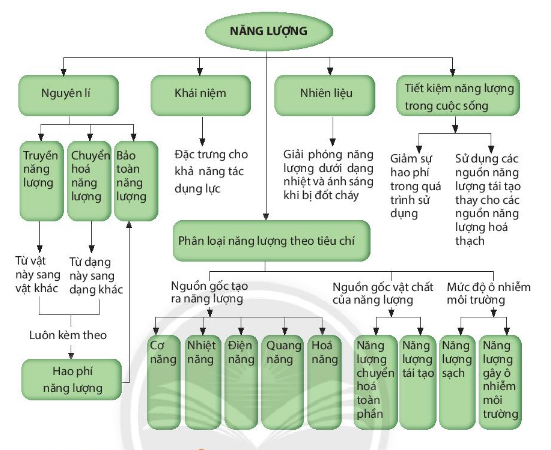
**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS Hoạt động theo nhóm từ 4-6 người, vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- GV tổ chức cho HS lên báo cáo kết quả thảo luận.

- GV chốt lại kiến thức.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nghe và nhận xét, chọn nhóm trình bày tốt nhất



ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ RUBRICS

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức 1 (5đ)** | **Mức 2 (7đ)** | **Mức 3 (10đ)** | **Điểm** |
| Trả lời câu hỏi | Trả lời được khoảng 50% các ý đúng, diễn đạt còn chưa súc tích. | Trả lời được hầu hết các ý đúng, có thể viết còn dài hoặc quá ngắn. | Trả lời đúng câu hỏi. Viết/ trình bày rõ ràng, ngắn gọn. |  |
| Đóng góp ý kiến | Chỉ nghe ý kiến | Có ý kiến | Có nhiều ý kiến, ý tưởng |  |
| Tiếp thu, trao đổi ý kiến, hỗ trợ bạn cùng nhóm | Lắng nghe | Có lắng nghe, phản hồi | Lắng nghe ý kiến các thành viên khác, phẩn hồi và tiếp thu ý kiến có hiệu quả |  |

**Hoạt động 3: Luyện tập + Vận dụng (25ph)**

**a) Mục tiêu:** HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề và làm bài kiểm tra thường xuyên số 8 (kèm theo)

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:*

**Câu1:** Ta nhận biết được vật năng lượng bằng cách nào trong các cách sau đây?

A. Khả năng làm vật biến đổi chuyển động.

B. Khả năng làm nóng vật.

C. Khả năng làm biến dạng vật.

D. Tất cả các đáp án trên.

=> D

**Câu 2.** Vật liệu nào sau đây không phải là nhiên liệu.

A. Củi.

B. Dầu hỏa.

C. Kim loại vàng.

D. Cồn.

=>C

**Câu 3:** Năng lượng nào sau đây không là năng lượng tái tạo?

A. Năng lượng gió.

B. Năng lượng nước.

C. Năng lượng hơi nước.

D. Năng lượng thủy triều.

=>C.

**Câu 4.** Ném quả bóng lên cao, tại vị trí nào quả bóng có cả động năng và thế năng.

A. Khi bắt đầu thả.

B. Tại điểm tiếp xúc với đất.

C. Đang đi lên và đang đi xuống.

D. Không có điểm nào.

=> C

**Câu 5:** Trong quá trình chuyển hóa năng lượng thì

A. luôn bảo toàn.

B. luôn tăng thêm.

C. luôn hoa hụt.

D. tăng, giảm liên tục.

=> A

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 2 đội (tên đội cho HS tự chọn)

- GV yêu cầu 1 HS trả lời.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- Mời đại diện của nhóm gọi tên đội nhanh nhất để trả lời.

- Mời thành viên cùng nhóm hoặc nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- Giáo viên nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến bổ sung.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

- Giải đáp thắc mắc của HS và sửa bài tập, làm bài KTTX số 8

ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ RUBRICS

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức 1 (5đ)** | **Mức 2 (7đ)** | **Mức 3 (10đ)** | **Điểm** |
| Trả lời câu hỏi | Trả lời được khoảng 50% các ý đúng, diễn đạt còn chưa súc tích. | Trả lời được hầu hết các ý đúng, có thể viết còn dài hoặc quá ngắn. | Trả lời đúng câu hỏi. Viết/ trình bày rõ ràng, ngắn gọn. |  |
| Đóng góp ý kiến | Chỉ nghe ý kiến | Có ý kiến | Có nhiều ý kiến, ý tưởng |  |
| Tiếp thu, trao đổi ý kiến, hỗ trợ bạn cùng nhóm | Lắng nghe | Có lắng nghe, phản hồi | Lắng nghe ý kiến các thành viên khác, phẩn hồi và tiếp thu ý kiến có hiệu quả |  |

***Kiểm tra đánh giá thường xuyên:***

- Kết thúc bài học, GV cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh: ……………………………….

**Phiếu đánh giá RUBRIC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** |
| **Mức độ tham gia hoạt động nhóm**  1) Cótham gia nhưng không tập trung  2) Có tham gia, làm bài tập theo đúng các tiêu chí mà GV yêu cầu.  3) Nhiệt tính, sôi nổi, tích cực, làm nhanh, trật tự theo đúng các tiêu chí GV yêu cầu. |  |  |  |  |
| **Kết quả phiếu học tập**  1) Học sinh hoàn thành PHT nhưng chưa biết mình đúng-sai.  2) Học sinh hoàn thành đúng PHT, giải thích đúng.  3) Biết giải thích các hiện tượng đời sống. |  |  |  |  |
| **Tiếp thu, trao đổi ý kiến**  1) Chỉ nghe ý kiến.  2) Có nêu ý kiến cá nhân.  3) Có nhiều ý kiến, ý tưởng. |  |  |  |  |
| **Nghe báo cáo**  1) Có lắng nghe  2) Có lắng nghe, có phản hồi.  3) Lắng nghe, phản hồi và tiếp thu ý kiến hiệu quả. |  |  |  |  |
| **Kết quả làm bài tập vận dụng**  1) Trả lời đúng cả 2 ý của câu hỏi vận dụng  2) Trả lời đúng 1 ý của câu hỏi vận dụng |  |  |  |  |

**TRƯỜNG THCS GHỀNH RÁNG**

**BÀI KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN LẦN 8 NĂM HỌC 2024 – 2025**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN – LỚP 6**

**Thời gian làm bài: 20 phút** *(Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:………………………………………………  Trường:………………………………………………… | Điểm : |

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)**

**Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 5. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án. **(5,0 điểm)**

**Câu 1:** Năng lượng mà một vật có được do chuyển động được gọi là …

A. thế năng B. động năng C. nhiệt năng D. cơ năng

**Câu 2:** Vật liện nào sau đây không phải là nhiên liệu?

A. Xăng B. Dầu C. Nước D. Than

**Câu 3:** Dạng năng lượng nào không phải năng lượng tái tạo?

A. Năng lượng nước. B. Năng lượng gió.

C. Năng lượng Mặt Trời. D. Năng lượng từ than đá.

**Câu 4:** Khi sử dụng nồi cơm điện, năng lượng điện đã chuyển hóa thành năng lượng chủ yếu nào?

A. năng lượng ánh sáng B. cơ năng C. năng lượng nhiệt D. năng lượng âm

**Câu 5:** Trong các dụng cụ và thiết bị điện sau đây, thiết bị nào chủ yếu biến đổi điện năng thành cơ năng:

A. Nồi cơm điện B. Bàn là điện.  C. Tivi. D. Máy bơm nước.

**Phần 2.** **Trắc nghiệm chọn đúng - sai.** Thí sinh trả lời câu sau: trong mỗi ý a), b), c), d) thí sinh chọn đúng hoặc sai. Nếu đúng ghi Đ, sai ghi S **(1,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phát biểu** | **Đúng** | **Sai** |
| a. Năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |
| b. Than đá là năng lượng tái tạo. |  |  |
| c. Năng lượng có thê truyền từ vật này sang vật khác. |  |  |
| d. Năng lượng không thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác. |  |  |

**Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1. **(1,0 điểm)**

**Câu 1.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Khi năng lượng truyền từ vật này sang vật khác hoặc chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác luôn xuất hiện năng lượng …

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Bài 1. (2 điểm)** **Em hãy lấy ví dụ để minh họa sự bảo toàn năng lượng?**

**Bài 2. (1điểm) Hãy đề xuất một số biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong trường học.**

**PHẦN BÀI LÀM**

**PHẦN HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)**

**Phần 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| Đáp án | B | C | D | C | D |

**Phần 2.** **Trắc nghiệm chọn đúng - sai.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Câu 1** |
| Đáp án | a. Đ |
| b. S |
| c.Đ |
| d. S |

**Phần 3. Trắc nghiệm trả lời ngắn.**

HAO PHÍ

**PHẦN BÀI LÀM TỰ LUẬN**

**Câu 1:** - Khi bật quạt, năng lượng điện chuyển thành cơ năng và năng lượng nhiệt. Trong đó cơ năng là năng lượng có ích, năng lượng nhiệt là năng lượng hao phí. Tổng cơ năng và năng lượng nhiệt bằng năng lượng điện.

**Câu 2:** Các biện pháp:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.

- Sử dụng điện mặt trời trong trường học.

(HS nêu biện pháp khác mà vẫn đúng thì cho điểm tối đa cho câu này)

Ngày 20 tháng 04 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**Chủ đề 11: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI**

**BÀI 43: CHUYỂN ĐỘNG NHÌN THẤY CỦA MẶT TRỜI**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Nêu được sự chuyển động nhìn thấy hàng ngày của Mặt Trời.

- Giải thích được một cách định tính và sơ lược hiện tượng từ Trái Đất thấy được Mặt Trời mọc và lặn hàng ngày.

***2. Năng lực***

*- Năng lực chung:*

+ Tự chủ và tự học : Tự học có hướng dẫn của GV để tìm hiểu về chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời.

+ Giao tiếp, hợp tác: Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả; Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về khái niệm chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết các vấn đề xảy ra trong quá trình thảo luận các nội dung về chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời.

*- Năng lực khoa học tự nhiên:*

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được chuyển động nhìn thấy hằng ngày của Mặt Trời;

+ Tìm hiểu tự nhiên: Giải thích được chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời và hiện tượng từ Trái Đất thấy được Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Thực hiện được các yêu cầu khi thực hành với mô hình Trái Đất và MặtTrời.

***3. Phẩm chất***

- Kiên trì, cẩn thận trong quá trình quan sát, thu thập và xử lí thông tin; Có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;

- Trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

- Nhiệt tình và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**-** Giáo án, sgk.

- Tranh phóng to H 53.1; 53.2; 53.3(sgk).

- Máy chiếu, laptop (nếu có).

- **Dụng cụ:**  + 1 quả địa cầu.

+ 1 ngọn đèn điện chiếu sáng.

- Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Nhóm: ……..** |
| 1. Em hãy mô tả sự"chuyển động"của MặtTrời hằng ngày trên bầu trời. 2. Quan sát hình 53.2, em hãy cho biết Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo chiều nào và mỗi thời điểm, ánh sáng mặt trời chiếu tới Trái Đất sẽ làm bao nhiêu phần diện tích mặt đất được chiếu sáng? 3. Người ở tại vị trí B (hình 53.2a) khi ánh sáng mặt trời vừa chiếu tới sẽ quan sát thấy hiện tượng gì? Sau đó, người tại vị trí B sẽ tiếp tục thấy Mặt Trời "chuỵển động" như thế nào? Vì sao?   **Trả lời:** |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Nhóm: …………..** |
| **Điền từ thích hợp vào chỗ “…” để thành câu hoàn chỉnh:**  Hằng ngày Mặt Trời mọc ở đằng…………………..và lặn ở đằng ………………  Nguyên nhân của hiện tượng này là do Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục của nó theo chiều từ ………………………sang…………………………….. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **Nhóm: …………..** |
| 4. Em hãy xác định các vị trí trên quả địa cầu sẽ quan sát thấy Mặt Trời mọc, Mặt Trời lặn; Các vị trí trên quả địa cầu mà lúc đó là giữa trưa và các vị trí trên quả địa cầu mà lúc đó là nửa đêm.  5.Em hãy quay quả địa cầu để tại Việt Nam sẽ quan sát thấy Mặt Trời mọc, Mặt Trời lặn.  **Trả lời:** |

**III. Tiến trình dạy học**

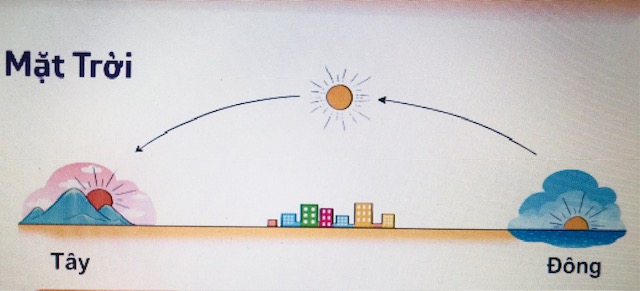
**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Dự kiến thời gian 5 phút)*

*a. Mục tiêu:*Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

*b. Nội dung:*Giáo viên chiếu tranh hình 53.1 giới thiệu bài mới.

*c. Sản phẩm:*Lời giới thiệu của giáo viên, câu hỏi của GV và câu trả lời của học sinh

*d. Tổ chức thực hiện:*GV chiếu tranh hình 53.1(sgk).



***Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời***

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

Quan sát bầu trời ,chúng ta thấy buổi sáng Mặt Trời mọc ở hướng Đông, sau đó chuyển động trên bầu trời để đến buổi chiều lặn ở hướng Tây.

Hãy giải thích hiện tượng này?

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

+ GV cung cấp thêm cho HS thông tin sau: Chúng ta cần biết rằng, khi tự quay quanh mình, ta nhìn thấy các vật xung quanh quay theo chiều ngược lại. Chuyển động quay của các vật quay quanh ta khi đó chỉ là chuyển động “nhìn thấy”, không phải là chuyển động thực. Chuyển động quay của ta mới là chuyển động thực.

+Trước Công Nguyên người ta giải thích hiện tượng này là do Trái Đất đứng yên, và là trung tâm của vũ trụ, Mặt Trời và các hành tinh quay quanh Trái Đất.

+Như vậy theo em, dựa vào thông tin cung cấp ở trên, có thể giải thích hiện tượng từ Trái Đất có thể nhìn thấy Mặt Trời chuyển động từ Đông sang Tây theo cách khác được không? Hãy dựa vào thông tin trên để giải thích hiện tượng này.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

*Bước 4: Chốt lại và đặt vấn đề vào bài mới:*

Các em đã đưa ra nhận định của mình về hiện tượng buổi sáng Mặt Trời mọc ở hướng Đông, sau đó chuyển động vòng ngang qua bầu trời để đến buổi chiều lặn ở hướng Tây. Bài học hôm nay chúng ta sẽ làm rõ vấn đề trên.

- HS chuẩn bị tâm thế vào bài mới.

**Hoạt động 2*.* Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 60’)*

**Hoạt động 2.1: Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời***( Dự kiến thời gian 30 phút)*

*a. Mục tiêu:*Tìm hiểu chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời.

*b. Nội dung:*Quan sát tranh vẽ H43.2 sgk, GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm cặp đôi để thảo luận các nội dung trong sgk và ghi nội dung trả lời vào phiếu học tập của từng cặp đôi

*c. Sản phẩm:*Phiếu học tập số 1,2

1. Hằng ngày, chúng ta thấy MặtTrời mọc ở hướng đông. Nó chuyển động trên bầu trời về hướng tây rồi lặn.

2. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo chiều từ tây sang đông và mỗi thời điểm, ánh sáng mặt trời chiếu tới Trái Đất sẽ làm khoảng 50% diện tích mặt đất được chiếu sáng.

3. Người ở tại vị trí B trong hình 43.2a khi ánh sáng mặt trời vừa chiếu tới sẽ quan sát thấy hiện tượng Mặt Trời mọc. Sau đó, người ở tại vị trí B sẽ tiếp tục thấy Mặt Trời "chuyển động" dần về hướng tây vì Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo chiều từ tây sang đông.

*Hằng ngày, chúng ta thấy Mặt Trời mọc ở hướng đông và “chuyên động” trên bầu trời dần về hướng tây rồi lặn. Nguyên nhân của hiện tượng này làdo Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục của nó theo chiều từ tây sang đông.*

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

GV giới thiệu lần lượt các tranh hình 43.1 và 43.2. Thông qua quan sát tranh hình và thảo luận các nội dung trong SGK,

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

Học sinh quan sát tranh

|  |  |
| --- | --- |
| C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image584.png Ánh sáng Mặt Trời | C:\Users\ADMINI~1\AppData\Local\Temp\FineReader11.00\media\image585.pngÁnh sáng Mặt Trời |

- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:

+GV đưa ra phiếu học tập số 1 có ghi sẵn nội dung câu hỏi trong sgk và yêu cầu HS thảo luận nhóm cặp đôi.

+Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả

+ Mời nhóm khác nhận xét

+ GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung.

- GV phát phiếu học tập số 2 và yêu cầu HS hoàn thành. Sau đó gọi 1 HS trả lời và HS khác nhận xét.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

GV đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm, tuyên dương những nhóm thảo luận tích cực.

+ GV tổng kết kiến thức :

*Hằng ngày, chúng ta thấy Mặt Trời mọc ở hướng đông và “chuyên động” trên bầu trời dần về hướng tây rồi lặn. Nguyên nhân của hiện tượng này làdo Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục của nó theo chiều từ tây sang đông.*

*- Luyện tập* : Người ở tại vị trí C trong H43.2b khi ánh sáng Mặt Trời vừa khuất sẽ quan sát thấy hiện tượng gì ? Vì sao ?

**Hoạt động 2.2: Mặt Trời mọc và lặn***( Dự kiến thời gian 30 phút)*

*a. Mục tiêu:*Giải thích được hiện tượng từ Trái Đất thấy được Mặt Trời mọc và lặn hàng ngày.

*b. Nội dung:*Thực hành quan sát mô hình Trái Đất và Mặt Trời.



*Hình 53.3 – Mô hình Mặt Trời chiếu sáng Trái Đất*

*c. Sản phẩm:*Phiếu học tập số 3. Thực hành trả lời theo yêu cầu thực hành

* Học sinh thực hành theo yêu cầu và tự xác định các vị trí
* Học sinh tìm vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu, sau đó tự thực hành

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

- Giao nhiệm vụ

Yêu cầu HS quan sát thí nghiệm thực hành như hình 53.3 sgk

GV chuẩn bị dụng cụ:như hình 53.3 sgk

+1 quả địa cầu (tượng trưng cho Trái Đất);

+1 bóng đèn tròn (tượng trưng cho Mặt Trời).

Tiến hành:

- Đặt quả địa cầu trên bàn;

- Đặt bóng đèn điện trước quả địa cầu;

- Bật bóng đèn chiếu sáng quả địa cầu đồng thời tắt hết các bóng đèn khác trong phòng. Xoay quả địa cẩu chuyển động từ tâỵ sang đông. Yêu cầu HS thảo luận và thực hiện các nội dung trong SGK.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

- Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:

GV phát phiếu học tập số 3, sau đó tổ chức hoạt động nhóm cho HS thảo luận, thực hiện các nội dung trong SGK:

4. Em hãy xác định các vị trí trên quả địa cầu sẽ quan sát thấy Mặt Trời mọc, Mặt Trời lặn; Các vị trí trên quả địa cầu mà lúc đó là giữa trưa và các vị trí trên quả địa cầu mà lúc đó là nửa đêm.

5. Em hãy quay quả địa cầu để tại Việt Nam sẽ quan sát thấy Mặt Trời mọc, Mặt Trời lặn.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

Từ nội dung thảo luận câu 4,5, em có liên hệ gì tới hiện tượng ngày và đêm trên Trái Đất,Mặt Trời mọc và lặn khi quan sát từ Trái Đất.

-Hiện tượng Mặt Trời mọc và lặn trên Trái Đất dẫn đến có sự luân phiên ngày và đêm.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

+ GV tổng kết kiến thức:

Hiện tượng Mặt trời mọc, Mặt trời lặn: Khi Trái Đất quay, góc nghiêng giữa Mặt trời và mặt đất cũng dần lớn lên, đồng thời nó tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông, vì vậy ta có cảm giác Mặt trời mọc từ thấp lên cao, mọc ở đằng đông, lặn ở đằng tây.

\*Liên hệ thực tế:

Giải thích hiện tượng ngày, đêm trên Trái Đất và nguyên nhân dẫn đến sự luân phiên ngày và đêm.

**Hoạt động 3: Luyện tập (15ph)**

**a. Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS làm các bài tập 1, 2, 3.

*Câu 1. Khi Mặt Trời lặn nghĩa là ở bất kì đâu trên Trái Đất đều không thể nhìn thấy Mặt Trời. Kết luận là sai vì mỗi thời điểm, ánh sáng từ Mặt Trời chiếu tới Trái Đất sẽ làm khoảng 50% diện tích bề mặt Trái Đất được chiếu sáng.*

*Câu 2. Hàng ngày, người sinh sống ở Hà Nội sẽ quan sát thấy Mặt Trời mọc trước. Vì Hà Nội ở phía đồng so với Điện Biên và Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục của nó theo chiều từ tây sang đông.*

*Câu 3. Thời gian mỗi ngày đêm trên Trái Đất là 24h. Khoảng thời gian đó chính là thời gian Trái Đất tự quay quanh trục của nó được một vòng.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập 1,2,3 SGK.

- HS nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm 6 - 7 người và thực hiện nhiệm vụ.

- HS làm bài tập, trình bày sản phẩm.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- GV theo dõi sự chuẩn bị của học sinh, giúp đỡ những nhóm chưa hoàn thành.

- Hướng dẫn, giúp đỡ kịp thời các nhóm HS còn yếu.

- Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

**-** Đại diện HS lên trình bày bài tập đã hoàn thành. Các HS khác GV thu lại để chấm điểm sau đó trả bài cho HS để kẹp vào vở ghi.

- GV nhận xét và cho điểm HS trình bày.

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung nếu thấy cần thiết.

- GV nhận xét đánh giá về kết quả hoạt động nhóm và chốt lại kiến thức.

**Hoạt động 4: Vận dụng (10ph)**

**a. Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS làm các bài tập.

*Hiện tượng ngày, đêm luân phiên diễn ra trên Trái Đất là do Trái Đất được chiếu sáng bởi Mặt Trời và chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.*

*Mỗi thời điểm, ánh sáng mặt trời chiếu sáng khoảng 50% điện tích bề mặt của Trái Đất. Phần được chiếu sáng sẽ là ban ngày, phần không được chiếu sáng sẽ là ban đêm. Vì Trái Đất tự quay quanh trục của nó nên vị trí phẩn sáng và tối trên bề mặt Trái Đất sẽ thay đổi dần.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hiện câu hỏi vận dụng: *Giải thích hiện tượng ngày, đêm trên Trái Đất và nguyên nhân dẫn đến sự luân phiên ngày và đêm.*

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- GV theo dõi sự chuẩn bị của học sinh, giúp đỡ những nhóm chưa hoàn thành.

- Hướng dẫn, giúp đỡ kịp thời các nhóm HS còn yếu.

- Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

**-** Đại diện HS lên trình bày bài tập đã hoàn thành.

- GV nhận xét và cho điểm HS trình bày.

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung nếu thấy cần thiết.

***Kiểm tra đánh giá thường xuyên:***

- Kết thúc bài học, GV cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh: ……………………………….

**Phiếu đánh giá RUBRIC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** |
| **Mức độ tham gia hoạt động nhóm**  1) Có tham gia nhưng không tập trung.  2) Có tham gia, làm bài tập theo đúng các tiêu chí mà GV yêu cầu.  3) Nhiệt tình, sôi nổi, tích cực, làm nhanh, trật tự theo đúng các tiêu chí GV yêu cầu. |  |  |  |  |
| **Kết quả phiếu học tập**  1) Học sinh hoàn thành PHT nhưng chưa biết mình đúng-sai.  2) Học sinh hoàn thành đúng PHT, giải thích đúng.  3) Biết giải thích các hiện tượng đời sống thông qua kiến thức về kính lúp |  |  |  |  |
| **Tiếp thu, trao đổi ý kiến**  1) Chỉ nghe ý kiến.  2) Có nêu ý kiến cá nhân.  3) Có nhiều ý kiến, ý tưởng. |  |  |  |  |
| **Nghe báo cáo**  1) Có lắng nghe  2) Có lắng nghe, có phản hồi.  3) Lắng nghe, phản hồi và tiếp thu ý kiến hiệu quả. |  |  |  |  |
| **Kết quả làm bài tập vận dụng**  1) Trả lời đúng cả 2 ý của câu hỏi vận dụng  2) Trả lời đúng 1 ý của câu hỏi vận dụng |  |  |  |  |

Ngày 6 tháng 05 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**BÀI 44: CHUYỂN ĐỘNG NHÌN THẤY CỦA MẶT TRĂNG**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Nêu được Mặt Trăng phản xạ ánh sáng Mặt Trời.

- Thiết kế mô hình thực tế (hoặc vẽ hình) để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.

***2. Năng lực***

*- Năng lực chung:*

+ Năng lực tự chủ và tự học: Tự học có hướng dẫn của GV; tìm kiếm thông tin trên Internet, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, video để tìm hiểu về sự chuyển động của Mặt Trăng.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tìm ra các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng; sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về khái niệm hình dạng nhìn thấỵ của Mặt Trăng.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết các vấn đề xảy ra trong quá trình thảo luận; tạo được mô hình Mặt Trăng trong chiếc hộp để quan sát và giải thích các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng

*- Năng lực khoa học tự nhiên:*

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận biết được các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng.

+ Tìm hiểu tự nhiên: Hiểu được Mặt Trăng phản xạ ánh sáng mặttrời và khái niệm hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Giải thích được các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng và thiết kế được mô hình thực tế để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của MặtTrăng trong Tuần Trăng.

***3. Phẩm chất***

**-** Kiên trì, cẩn thận trong quá trình quan sát, thu thập và xử lí thông tin; Có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

- Trách nhiệm trong hoạt động nhóm; nhiệt tình và gương mẫu hoàn thành phẩn việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

- Tạo hứng thú và khám phá học tập khoa học tự nhiên.

*\** **TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

*Mục” “Hình dạng nhìn thấy của Mặt trăng”*

Thủy triều là một dạng năng lượng tái tạo mang lại nhiều lợi ích cho con người: sản xuất điện

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Hình ảnh: Các hình dạng quan sát được của Mặt Trăng

- Video:

+ Sự chuyển động của Mặt Trăng và Trái Đất quanh Mặt Trời

+ Các pha của Mặt Trăng

+ Hướng dẫn làm mô hình Mặt Trăng trong chiếc hộp

- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Hộp cỡ nhỏ hoặc vừa, 1 đèn pin / nhóm, Bóng xốp, giấy cứng, băng keo trong, keo dán, giấy đen hoặc nỉ, chốt, kéo, dao dọc giấy.

- Phiếu học tập, tờ A1 hoặc A0:

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  NHÓM:…….. | |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| 1. Quan sát hình 44.1 và 44.2 cho biết Mặt Trăng có phải tự phát ra ánh sáng hay không? Vì sao? | ............................................................................  ............................................................................  ............................................................................  ............................................................................  ............................................................................ |
| 2. Ánh sáng Mặt Trăng mà ta nhìn thấy có được từ đâu? | ............................................................................  ............................................................................  ............................................................................  ............................................................................ |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  NHÓM:…….. |
| **Điền vào chỗ trống hoàn thành kết luận sau:** |
| * Hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng là phần ................ của Mặt Trăng được nhìn thấy khi quan sát từ ……………... * Mỗi thời điểm, phần bề mặt Mặt Trăng hướng về Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng có …………… khác nhau nên ta thấy hình dạng của Mặt Trăng là ………...... |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *( Dự kiến thời gian 5 phút)*

**Chơi trò chơi “Mặt Trăng trong mắt em”**

*a. Mục tiêu:*Nêu được tên và các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng vào ban đêm.

*b. Nội dung:*HS mô tả bằng hình ảnh và kể tên các hình dạng của Mặt Trăng mà HS đã quan sát được.

*c. Sản phẩm:*

* Câu trả lời của HS: Hình vẽ Mặt Trăng trên tờ A0
* Dự kiến câu trả lời các hình dạng của Mặt Trăng vào ban đêm: Trăng tròn, Trăng khuyết, Trăng bán nguyệt, Trăng lưỡi liềm, Không trăng.

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

Mỗi nhóm vẽ các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trên tờ giấyA1 trong thời gian bài hát “Trăng sáng”. Kết thúc bài hát sẽ kết thúc thời gian trò chơi.

Nhóm nào vẽ được nhiều hình dạng của Mặt Trăng nhất và nêu đúng tên sẽ thắng cuộc.

+ Mỗi nhóm vẽ các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trên tờ A1 trong thời gian bài hát.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

Phát bài hát tính thời gian thực hiện và hỗ trợ HS khi cần thiết.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

+ Đại diện nhóm treo tranh tại vị trí nhóm và trình bày . Yêu cầu nhóm sau không cần trình bày hình ảnh đã có ở nhóm trước mà bổ sung hình ảnh được cho là còn thiếu.

*Bước 4: Chốt lại và đặt vấn đề vào bài mới:*

Tại sao vào các đêm, Mặt Trăng có nhiều hình dạng khác nhau? Cô và các em sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

**Hoạt động 2.Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 90’)*

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu ánh sáng của Mặt Trăng** *( Dự kiến thời gian 30 phút)*

*a. Mục tiêu:*

- Hiểu được mặt trăng không có khả năng tự phát sáng.

- Ánh sáng của Mặt Trăng mà ta nhìn thấy là do sự phản xạ ánh sáng từ Mặt Trời chiếu tới.

*b. Nội dung:*HS làm việc theo cặp đôi thảo luận các câu hỏi 1, 2 trong SGK trong thời gian 4 phút.

*c. Sản phẩm:*Đáp án của nhóm HS trên phiếu học tập số 1.

1. Mặt trăng không tự phát ra ánh sáng. Bởi vì nó chỉ phản chiếu lại ánh sáng của Mặt trời, ánh sáng của nó được nhận từ Mặt trời từ các góc khác nhau

2. Chúng ta có thể nhìn thấy Mặt trăng bởi vì có ánh sáng từ Mặt trời chiếu tới Mặt trăng phản xạ xuống Trái Đất. Mặt trăng được chiếu sáng trực tiếp bởi Mặt trời và các điều kiện xem khác nhau theo chu kỳ gây ra các pha Mặt Trăng. Các phần chưa được chiếu sáng của Mặt Trăng đôi khi có thể được nhìn thấy mờ nhạt như là kết quả của ánh nắng Mặt Trời, đó là ánh sáng mặt trời phản chiếu trên bề mặt Trái Đất và lên Mặt trăng. Vì quỹ đạo của Mặt Trăng vừa có hình elip và nghiêng về mặt phẳng xích đạo của nó, sự đung đưa này cho phép chúng ta nhìn thấy đến 59% bề mặt Mặt Trăng từ Trái Đất (nhưng chỉ có một nửa tại bất kỳ thời điểm nào, tại bất kỳ vị trí nào).

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

Quan sát hình ảnh 44.1 và hình 44.2 SGK hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 1

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

***+*** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

***+*** Chọn 2 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả của 2 câu hỏi.

+ Mời nhóm khác nhận xét

+ GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

+ Tổng hợp để đi đến kết luận về ánh sáng của Mặt Trăng.

🡪**KL**: Mặt trăng không tự phát ra ánh sáng. Ánh sáng mà ta nhìn thấy được là do Mặt Trăng phản xạ ánh sáng từ Mặt Trời.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng**

*( Dự kiến thời gian 30 phút)*

**Hoạt động 2.2.1: Các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng**

*a. Mục tiêu:*

* Nêu tên và phân biệt được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong 1 tuần trăng.
* Nắm được quy luật biến đổi hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng.

*b. Nội dung:*

**-** HS sắp xếp đúng thứ tự tên gọi và hình ảnh thể hiện sự biến đổi hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong 1 tuần Trăng

**-** Thảo luận mô tả quy luật thay đổi hình dạng Mặt Trăng

*c. Sản phẩm:*

**+**  Hoàn thành tờ A0, dán hình ảnh nhìn thấy của mặt trăng tương ứng với các trường hợp nhìn thấy của Mặt Trăng trong 1 tuần Trăng (Từ ngày đầu tháng đến ngày cuối tháng Âm lịch)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Không trăng | Trăng lưỡi liềm  đầu tháng | Trăng bán nguyệt  đầu tháng | Trăng khuyết  đầu tháng | Trăng tròn | Trăng khuyết  cuối tháng | Trăng bán nguyệt  cuối tháng | Trăng lưỡi liễm  cuối tháng |

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

Em hãy dùng các tấm thẻ có in hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng để dán lên tờ A0 trong thời gian 5 phút.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

***+*** Mỗi nhóm lớn (8-10 bạn) thảo luận và hoàn thành tờ A0. Dán các tấm thẻ có in hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng, sắp xếp đúng thứ tự tương ứng theo cột tên gọi. Sau khi thảo luận xong, các nhóm trình bày bài làm trên bảng.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

***+*** Các nhóm lên bảng trình bày kết quả.

+ GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

GV hướng dẫn HS đưa ra kết luận :

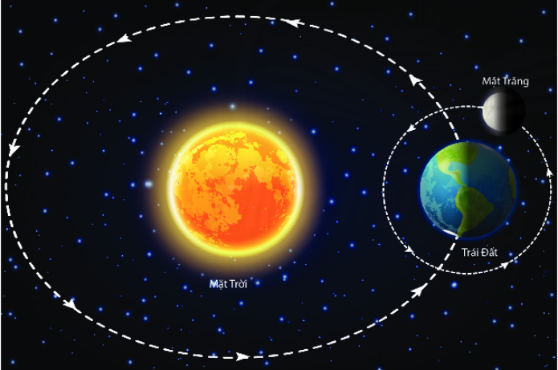
- Các hình dạng thường nhìn thấy của Mặt Trăng gổm Trăng lưỡi liềm, Trăng bán nguyệt, Trăng khuyết, Trăng tròn.

\* **TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Thủy triều là một dạng năng lượng tái tạo mang lại nhiều lợi ích cho con người: sản xuất điện

**Hoạt động 2.2.2: Các pha của Mặt Trăng**

* Hình dạng Mặt Trăng ta nhìn thấy trên bầu trời mỗi ngày. Người ta nói đó là các pha của Mặt Trăng



*a. Mục tiêu:*Nắm được quy luật biến đổi hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng.

*b. Nội dung:*Thảo luận mô tả quy luật thay đổi hình dạng Mặt Trăng

*c. Sản phẩm:*

+ Điền vào chỗ trống hoàn thành PHT số 2:

* Hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng là phần ................ của Mặt Trăng được nhìn thấy khi quan sát từ ……………...
* Mỗi thời điểm, phần bề mặt Mặt Trăng hướng về Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng có …………… khác nhau nên ta thấy hình dạng của Mặt Trăng là ……….

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*: Cá nhân HS trả lời câu hỏi 4 SGK. Sau đó thảo luận nhóm lớn hoàn thành PHT số 2.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

***+*** Cá nhân HS quan sát hình 54.5 và trả lời câu hỏi 4.

+ Thảo luận nhóm lớn (8-10 học sinh) hoàn thành PHT số 2

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

***+*** Các nhóm lên bảng trình bày kết quả.

+ GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

GV hướng dẫn HS hoàn thành kết luận:

- Hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng là phần bề mặt của Mặt Trăng được nhìn thấy khi quan sát từ Trái Đất.

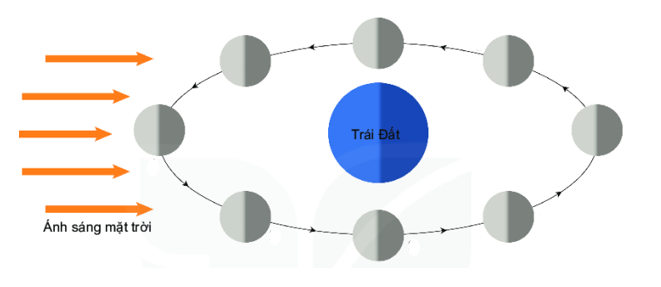
- Mỗi thời điểm, phần bề mặt Mặt Trăng hướng về Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng có diện tích khác nhau nên ta thấy hình dạng của Mặt Trăng là khác nhau.

**Hoạt động 2.3: Giải thích các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng** *(Dự kiến thời gian 30 phút)*

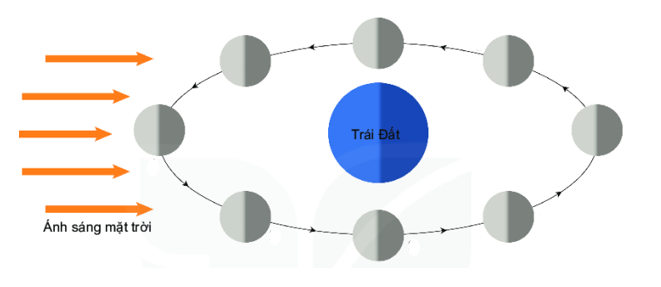
**Hoạt động 2.3.1: Tìm hiểu quy luật biến đổi của Mặt Trăng**

*a. Mục tiêu:*Tìm hiểu quy luật biến đổi của Mặt Trăng trong tuần trăng.

**b***. Nội dung:*Tìm hiểu quy luật biến đổi của Mặt Trăng trong tuần trăng bằng cách gắn các hình ảnh tương ứng vào các vị trí trên hình sau:



*c. Sản phẩm:*



*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

Chia lớp thành 2 đội, tham gia gắn hình ảnh của mặt trăng vào vị trí tương ứng theo hình thức tiếp sức.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

***+*** Mỗi đội sẽ gắn 8 hình ảnh tương ứng lên tờ A0 đã dán sẵn trên bảng theo hình thức tiếp sức.

+ Đội nào gắn đúng và nhanh hơn sẽ là đội thắng cuộc.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

+ GV nhận xét sau khi hs đã nhận xét.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

Thống nhất sơ đồ quy luật biến đổi của Mặt Trăng.

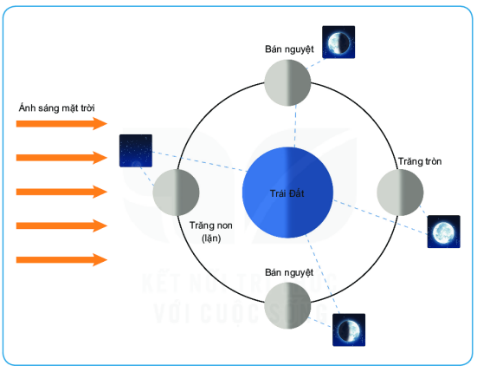
**Hoạt động 2.3.2: Giải thích các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng**

*( Dự kiến thời gian 10 phút)*

*a. Mục tiêu:*Giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong tuần trăng.

*b. Nội dung:*Quan sát video về các pha của Mặt Trăng. Giải thích vì sao ta lại quan sát được các hình dạng khác nhau của Mặt Trăng

*c. Sản phẩm:*



**Kết luận**: Hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng thay đổi một cách tuần hoàn khi Mặt Trăng quay quanh Trái Đất, tuỳ thuộc vào vị trí tương đối của ba thiên thể Trái Đất, Mặt Trăng và Mặt Trời.

Khi Mặt Trăng quay quanh Trái Đất, phía Mặt Trăng hướng về Mặt Trời lúc nào cũng sáng. Chúng ta thấy các hình dạng khác nhau của Mặt Trăng là do ta nhìn Mặt Trăng ở các góc nhìn khác nhau.

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

HS quan sát video về các pha của Mặt Trăng , quan sát hình 54.6 SGK và trả lời câu hỏi 5.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

HS quan sát video và hoạt động cá nhân.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

Sau khi HS đã trả lời và nhận xét. GV nhận xét và khẳng định lại kiến thức.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

**Kết luận** : Khi Mặt Trăng quay quanh Trái Đất, phía Mặt Trăng hướng về Mặt Trời lúc nào cũng sáng. Chúng ta thấy các hình dạng khác nhau của Mặt Trăng là do ta nhìn Mặt Trăng ở các góc nhìn khác nhau.

**Hoạt động 2.3.3: Trải nghiệm quan sát các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng**  *Dự kiến thời gian 30 phút)*

*a. Mục tiêu:*Thiết kế được mô hình thực tế để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong tuần trăng

*b. Nội dung:*

- Làm việc nhóm tạo được mô hình Mặt Trăng trong chiếc hộp

- Dùng mô hình để quan sát và giải thích các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng

+ Nêu vai trò của các thiết bị có trong mô hình ?

+ Hãy quan sát , đánh dấu vị trí và cho biết hình ảnh nhìn thấy được của Mặt Trăng mô hình tương ứng với hình dạng nhìn thấy nào của Mặt Trăng?

+ Giải thích tại sao khi thay đổi vị trí quan sát (nhìn qua các lỗ khác nhau) thì hình ảnh nhìn thấy của Mặt Trăng mô hình lại khác nhau?

*c. Sản phẩm:*

**-** Mô hình Mặt Trăng trong chiếc hộp kèm lời giới thiệu và thuyết minh

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

**+** GV yêu cầu HS nghiên cứu SGK phần hướng dẫn thiết kế , làm việc nhóm tạo được mô hình Mặt Trăng trong chiếc hộp.

**+** GV tổ chức HS giới thiệu và thuyết minh về mô hình.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

***+*** GV đưa ra hướng dẫn cần thiết.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

+ GV gọi đại diện nhóm thuyết trình về mô hình , HS các nhóm còn lại quan sát, đánh giá mô hình từng nhóm về tính khoa học, tính thẩm mĩ, tính sáng tạo.

+ GV đánh giá sự chuẩn bị mô hình.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

- Đai diện các nhóm thuyết trình về mô hình.

- Theo dõi đánh giá của giáo viên

**Hoạt động 3: Luyện tập** *( Dự kiến thời gian 20 phút)*

*a. Mục tiêu:*Hệ thống được một số kiến thức đã học về hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng thông qua câu hỏi luyện tập

*b. Nội dung:*Làm một số bài tập cơ bản

***1. Vào đêm không Trăng, chúng ta không nhìn thấy Mặt Trăng vì***

A. Mặt Trời không chiếu sáng Mặt Trăng.

B. Mặt Trăng không phản xạ ánh sáng mặt trời.

C. ánh sáng phản xạ từ Mặt trăng không chiếu tới Trái Đất.

D. Mặt Trăng bị che khuất bởi Mặt Trời.

***2. Chúng ta nhìn thấy Trăng tròn khi***

A. một nửa phần được chiếu sáng của Mặt Trăng hướng về Trái Đất.

B. toàn bộ phần được chiếu sáng của Mặt Trăng hướng về Trái Đất.

C. toàn bộ Mặt Trăng được Mặt Trời chiếu sáng.

D. Mặt Trăng ở khoảng giữa Trái Đất và Mặt Trời.

***3. Chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa Trăng bán nguyệt đầu tháng và trăng bán nguyệt cuối tháng.***

***4. Em hãy vẽ hình để giải thích hình dạng nhìn thấy Trăng bán nguyệt cuối tháng.***

1. **Sản phẩm:**

1. C 2. B

3. Trả lời

* Giống nhau: Hình dạng đều là Trăng bán nguyệt
* Khác nhau: Trên hành trình đến trăng tròn, chúng ta sẽ thấy tỷ lệ lớn dần lên từ trăng bán nguyệt đầu tháng ở nửa được chiếu sáng của mặt trăng, và hiện tượng này được gọi là trăng tròn dần. Khi chuyển từ trăng tròn đến trăng bán nguyệt cuối tháng, chúng ta sẽ nhìn thấy tỷ lệ nhỏ dần đi ở phần được chiếu sáng của mặt trăng; hiện tượng này được gọi là trăng khuyết dần.

4. HS vẽ hình và giải thích

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

HS hoạt động cá nhân các câu 1, 2, 4.

HS hoạt động cặp đôi theo bàn thực hiện câu 3.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

+ GV gọi một số HS nêu đáp án

+ Nhận xét và thống nhất câu trả lời của HS.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

+ Đánh giá hoạt động của các cặp đôi và cá nhân HS. Khen ngợi học sinh.

**Hoạt động 4: Vận dụng** *( Dự kiến thời gian 20phút)*

*a. Mục tiêu:* học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế.

*b. Nội dung:*

+ Vận dụng phát triển mô hình trên để có thể quan sát các hình dạng nhìn thấy khác của Mặt Trăng.

+ Vẽ một sơ đồ cho thấy vị trí của Mặt Trời, Mặt Trăng và Trái Đất khi ta quan sát thấy Trăng bán nguyệt?

*c. Sản phẩm:* Mô hình đã phát triển từ mô hình trước.

Từ mô hình 54.7, ta khoét thêm các lỗ nhỏ trên đường kẻ ngang với 4 lỗ khoét trước. Quan sát quả bóng trong hộp theo các lỗ này ta sẽ thấy được hình ảnh tương ứng với các hình dạng nhìn thấy khác nhau của MặtTrăng.

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

+ GV yêu cầu nhóm HS nghiên cứu phát triển mô hình Mặt Trăng trong chiếc hộp để có thể quan sát các hình dạng nhìn thấy khác của Mặt Trăng.

+ GV tổ chức HS trình bày về ý tưởng của mình.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

***+*** GV đưa ra hướng dẫn cần thiết

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

+ GV gọi đại diện nhóm thuyết trình về ý tưởng cải tiến mô hình.

+ GV cho HS các nhóm trao đổi mô hình và quan sát, nêu nhận xét về tính hiệu quả, ưu điểm, nhược điểm

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

- Đai diện các nhóm thuyết trình về ý tưởng phát triển mô hình.

- Theo dõi đánh giá của giáo viên

Ngày 12 tháng 05 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**BÀI 45. HỆ MẶT TRỜI VÀ NGÂN HÀ**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 4 tiết

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Mô tả được sơ lược cấu trúc của Hệ mặt trời (HMT), nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kỳ quay khác nhau. Thiết kế được mô hình mô phỏng hệ Mặt Trời.

- Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.

- Sử dụng tranh ảnh hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chi ra được HMT là một phần nhỏ của Ngân Hà.

***2. Năng lực***

- Năng lực khoa học tự nhiên: Tìm hiểu tự nhiên

- NL tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, thực tế để tìm hiểu về hệ MT và ngân hà.

- NL giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm thảo luận để tìm hiểu về khoảng cách, chu kỳ các hành tinh Trình bày kết quả.

- NL GQVĐ và sáng tạo thiết kế mô hình hệ MT

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ sử dụng ngôn ngữ khoa học diễn tả về hệ mặt trời và ngân hà

- Năng lực tính toán: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để lập luận có căn cứ và giải được các bài tập đơn giản.

***3. Phẩm chất***

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

- Trung thực, cẩn thận trong tính toán, ghi chép.

*\** **TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

*Mục: “Hệ Mặt trời trong ngân hà”*

- Chúng ta phải biết hạn chế phát thải khí CO2 để làm giảm sự nóng lên của Trái Đất. Vì CO2 là nguyên nhân ngăn cản sự bức xạ nhiệt của Trái Đất dưới sự đốt nóng của Mặt Trời.

- Có thể cung cấp thêm về rác thải vũ trụ

***II. Thiết bị dạy học và học liệu***

- Cho mỗi nhóm HS: 01 giấy A2 đã vẽ sẵn các quỹ đạo của các hành tinh trong HMT, 1 bộ hình các hành tinh trong HMT.

- Video về đài HMT, Ngân Hà:

https://www.youtube.com/watch?v=Cbei3VZjZ48&t=51s – Bài hát về các hành tinh

<https://youtu.be/LXgdx7V7KHQ> - Khám phá các hành tinh trong hệ mặt trời.

<https://youtu.be/YMN-5XmgLyU> - video dải ngân hà

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm quan sát HMT.

- Mỗi học sinh thẻ trắc nghiệm A, B, C, D.

- Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **NHÓM: ……..** |
| ***TÌM HIỂU CẤU TRÚC HỆ MẶT TRỜI***  ***1.1: ĐẶC ĐIỂM HỆ MẶT TRỜI***  **Hướng dẫn**  1. Đọc thông tin mục 1 trang 195 và hoàn thành phiếu 1.  2. Sử dụng một bộ cắt dán mô hình hệ mặt trời (trên giấy A2 đã vẽ sẵn các quỹ đạo của các hành tinh trong HMT + bộ hình các hành tinh trong HMT) hãy dán các hành tinh vào quỹ đạo của chúng.  **Trả lời:**  Hệ mặt trời gồm:  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  Các hành tinh trong hệ MT gồm:  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  Các hành tinh có chuyển động không?.......................................................................  Nếu có, hãy nhận xét hình dạng quỹ đạo chuyển động của chúng?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  So sánh chiều chuyển động của chúng?.....................................................................  ……………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **NHÓM: ……..** |
| **TÌM HIỂU CẤU TRÚC HỆ MẶT TRỜI**  **1.2.1: Quỹ đạo và đặc điểm các hành tinh trong HMT.**  \* Đọc thông tin mục 1 trang 196 và “tư liệu tham khảo hoạt động 2”, thảo luận nhóm và hoàn thành nội dung bên dưới:  - Nhận xét về khoảng cách của các hành tinh so với mặt trời ………………………  ………………………………………………………………………………………..  - Hành tinh gần mặt trời nhất ……………………………………………………  - Hành tinh xa mặt trời nhất…………………………………………………………..  - Hành tinh gần tráiđất nhất………………………………………………………….  nó cách trái đất ............................. (km).  - Nhận xét sự liên hệ giữa chu kì chuyển động quanh Mặt trời của các hành tinh và khoảng cách từ các hành tinh tởi Mặt Trời?.................................................................  ………………………………………………………………………………………..  - Chu kì quay quanh Mặt trời của Hỏa tinh được gọi là một năm hỏa tinh. Một năm hỏa tinh = .............................. (ngày trên trái đất)  **1.2.2. Đặc trưng các hành tinh trong HMT.**  1. Quan sát clip về các hành tinh trong HMT, hoạt động cá nhân ghi một đặc điểm khác biệt nhất ứng với mỗi hành tinh vào các cạnh của khăn trải bàn.   |  |  | | --- | --- | | **Hành tinh** | **Điểm đặc trưng** | | Thủy tinh |  | | Kim tinh |  | | Trái Đất |  | | Hỏa tinh |  | | Thổ tinh |  | | Thiên vương tinh |  | | Hải vương tinh |  |   2. Thảo luận nhóm, nhóm trưởng ghi nội dung thống nhất vào giữa khăn trải bàn. |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **NHÓM: ……..** |
| **Ánh sáng của các thiên thề**  \* Đọc thông tin mục 2 trang 196 và 197, thảo luận và trả lời nội dung sau:  **1. Đánh dấu X vào cột tương ứng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các thiên thể** | **Thiên thể tự phát sáng** | **Thiên thể không tự phát sáng** | | ***Mặt trời*** |  |  | | ***Các ngôi sao*** |  |  | | ***Các hành tinh*** |  |  | | ***Sao chổi*** |  |  |  1. Giải thích tại sao các thiên thể như ............. ……………………………… có thể tự phát sáng? ..........................................................................................................   ………………………………………………………………………………………..   1. Với các thiên thể không tự phát sáng như .......... …………………., vào đêm ta có thể thấy ánh sáng từ chúng, ánh sáng đó có được là do đâu?   ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Dự kiến thời gian 5 phút)*

*a. Mục tiêu:* Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là hiểu biết của bản thân bề Trái Đất và bầu trời

*b. Nội dung:* Cuộc thi “Hiểu biết", thời gian 3 phút, kỹ thuật động não.

Nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ.

*c. Sản phẩm*: Phần trả lời của nhóm học sinh trên phiếu nhóm.

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

- Nghe 1 bài hát về các hành tinh của hệ mặt trời: https://www.youtube.com/watch?v=Cbei3VZjZ48&t=51s

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

- Chia nhóm 7-8 HS nhóm, trong nhóm cử 01 bạn làm nhóm trưởng.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

- Mỗi nhóm thảo luận, đưa ra những sự hiểu biết của cá nhân về HMT và ngân hà. (yêu cầu viết các câu ngắn lên giấy A2, không quá 10 từ, không trùng lặp, thời gian 3'. Các từ viết ra phải có nghĩa tất cả các thành viên có thể đồng thời viết)

*Bước 4: Chốt lại và đặt vấn đề vào bài mới:*

- Giới thiệu vào bài mới. Tìm hiểu về hệ MT và ngân hà.

**Hoạt động 2*.* Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 135’)*

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu cấu trúc Hệ Mặt trời.***( Dự kiến thời gian 40 phút)*

*a. Mục tiêu:*Mô tả được sơ lược cấu trúc của HMT.

*b. Nội dung:-* Đọc sách giáo khoa và tư liệu tham khảo

- Cắt dán mô hình

- Làm phiếu học tập số 1

*c. Sản phẩm:*

\* Đáp án phiếu học tập số 1:

+ HMT gồm:

Mặt Trời là trung tâm của hệ:

Nhóm 1 có 8 hành tinh và các vệ tinh

Nhóm 2 gồm các tiểu hành tinh, sao chổi, các khối bụi thiên thạch

+ Các thành viên của HMT theo thứ tự từ Mặt Trời ra ngoài lần lượt là: Sao Thủy, sao Kim, Trái Đất, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ, sao Thiên vương, sao Hải Vương.

+Quỹ đạo của các hành tinh là quỹ đạo hình elip.

+ Các hành tinh chuyển động trên những quỹ đạo gần như năm trong một mặt phẳng.

+ Các hành tinh chuyển động gần như cùng chiều xung quanh Mặt Trời.

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

- Giao cho mỗi nhóm bộ cắt dán mô hình hệ mặt trời. (trên giấy A2 đã vẽ sẵn các quỹ đạo của các hành tinh trong HMT + bộ hình các hành tinh trong HMT)

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

- Yêu cầu thực hiện trong vòng 5 phút

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

- GV chiếu mô hình HMT cho HS quan sát.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

- HS đọc thông tin mục 1 trang 195 và hoàn thành phiếu 11 Kết hợp với SGK và phần đã chuẩn bị, dán các hành tinh vào quỹ đạo của chúng.

- Nhóm cử đại diện trình bày kết quả của nhóm mình

-HS xem, đối chiếu và điều chỉnh kết quả của nhóm.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu Quỹ đạo và đặc điểm các hành tinh trong hệ Mặt trời***( Dự kiến thời gian 45 phút)*

*a. Mục tiêu:*

+ Nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kỳ quay khác nhau.

+Nêu được 1 đặc điểm đặc trưng với mỗi hành tinh trong hệ MT.

*b. Nội dung:*

- Đọc sách giáo khoa và tư liệu tham khảo

- Quan sát clip

- Thảo luận làm phiếu học tập số 2.

*c) Sản phẩm:*

- Kết quả thảo luận:

**1.2.1: Quỹ đạo và đặc điểm các hành tinh trong hệ Mặt trời.**

+ Các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau

Hành tinh gần Mặt Trời nhất là Thủy tinh, xa nhất là Hải Vương tinh

Hành tinh gần Trái Đất nhất là Kim tinh, cách 0,28 (AU)= 41,888 triệu km

+ Các hành tinh chuyển động nhanh chậm khác nhau.

- Các hành tinh cách Mặt Trời khoảng cách khác nhau thì có chu kỳ quay khác nhau.

- Sao Thủy có chu kỳ quay ngắn nhất. Sao thiên Vương có chu kỳ quay dài nhất.

**1.2.2. Đặc trưng các hành tinh trong HT.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành tinh** | **Điểm đặc trưng** |
| Thủy tinh | nhỏ nhất,  gần MT nhất, biến đổi nhiệt độ lớn Kim tinh |
| Kim tinh | hành tinh sáng nhất quan sát thấy trên bầu trời, nóng nhất. |
| Trái Đất | hành tinh xanh |
| Hỏa tinh | màu đỏ = nhiều sắt  núi Olympus cao nhất (22km) |
| Mộc tinh | kích thước và khối lượng lớn nhất |
| Thổ tinh | màu nâu, nhẹ |
| Thiên vương tinh | lạnh nhất, màu xanh |
| Hải vương tinh | |xa nhất, nhiều bão |

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

- Y/c HS hoàn thành phiếu 1.2.1

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

- GV chỉ định 1 vài HS phát biểu. Thông qua câu trả lời của HS, GV chuẩn xác hóa cho HS.

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

- GV trình chiều clip về các hành tinh trong HMT

- https://youtu.be/LXgdx7V7KHQ

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

- GV thống nhất, chuẩn xác hóa cho HS

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về ánh sáng của các thiên thể***( Dự kiến thời gian 25 phút)*

*a. Mục tiêu:*

- Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.

- Giải thích được vì sao chúng phát sáng được.

*b. Nội dung:*

- Đọc sách giáo khoa và tư liệu tham khảo

- Làm phiếu học tập số 3

*c. Sản phẩm:*

\* Đáp án phiếu:

- Mặt Trời và các sao là thiên thể phát sáng (nhiệt độ bề mặt cao).

- Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời (phản xạ ánh sáng).

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

- Y/c HS hoàn thành phiếu 1.3

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

- GV chỉ định 1 vài HS phát biểu. *Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

- Đại diện báo cáo.

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

Thông qua câu trả lời của HS, GV chuẩn xác hóa cho HS.

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về Ngân Hà và vị trí của Mặt trời trong Ngân hà.***( Dự kiến thời gian 25 phút)*

*a. Mục tiêu:* Nêu được HMT là một phần nhỏ của Ngân Hà.

*b. Nội dung:* Xem clip - Đọc sách giáo khoa - Thảo luận.

*c. Sản phẩm:*

- Nội dung thảo luận

- Dải Ngân Hà là một tập hợp gồm vô số các sao.

- HMT là một phần nhỏ của Ngân Hà.

- Trái Đất của chúng ta cách tâm đài Ngân Hà khoảng 20.000 - 28.000 năm ánh sáng.

- HMT phải mất khoảng 226 triệu năm để hoàn thành một chu kỳ quay xung quanh tâm của dải Ngân Hà (năm thiên hà”).

- Vận tốc quỹ đạo của HMT là 217 km/s, tương đương với 1.400 năm theo một năm ánh sáng, hay 1 đvtv (đơn vị thiên văn) trong 8 ngày.

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

- Chiếu clip về dải Ngân hà: https://youtu.be/YMN-5XmgLyU

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

- Y/cầu HS ghi những lại những đặc điểm mà em quan sát được (tối thiểu 2 đặc điểm).

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

- GV chỉ định 1 vài HS phát biểu. Yêu cầu: Không nhắc lại những gì nhóm trước đã trình bày:

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

- GV thống nhất, chuẩn xác hóa cho HS

(có thể cho làm việc nhóm bằng kỹ thuật khăn trải bàn tùy theo điều kiện thời gian)

**\* TÍCH HỢP NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

- Chúng ta phải biết hạn chế phát thải khí CO2 để làm giảm sự nóng lên của Trái Đất. Vì CO2 là nguyên nhân ngăn cản sự bức xạ nhiệt của Trái Đất dưới sự đốt nóng của Mặt Trời.

- Có thể cung cấp thêm về rác thải vũ trụ.

**Hoạt động 3: Luyện tập***( Dự kiến thời gian 25 phút)*

*a. Mục tiêu:*Vận dụng kiến thức, giải thích được các hiện tượng liên quan trong thực tế.

*b. Nội dung:* HS trả lời các câu hỏi sau:

|  |
| --- |
| **1. Ngân Hà là**  A. Thiên Hà trong đó có chứa hệ Mặt Trời.  B. một tập hợp nhiều Thiên Hà trong vũ trụ.  C. tên gọi khác của hệ Mặt Trời.  D. Dài sáng trong vũ trụ.  **2. Hành tinh trong hệ Mặt Trời xa Trái Đất nhất là.........., nó cách Trái Đất (AU)?**  A. Thủy tinh cách 39AU B. Hải Vương tinh, cách 29,06 AU  C. Hải Vương tỉnh, cách 30,06 AU D. Thiên Vương tinh, cách 19,19 AU  **3. Nhận xét nào không đúng?**  A Thủy tinh là hành tinh gần mặt trời nhất B. Thủy tinh là hành tinh gần trái nhất  C. Kim tinh là hành tinh gần trái nhất D. Trái đất là hành tinh thứ 3 tính từ mặt trời.  **4. Trong hệ Mặt Trời, hành tinh có nhiệt độ trung bình bề mặt cao nhất? Thấp nhất?**  A Kim tinh, Thiên vương tinh B. Kim tinh Hài vương tinh  C. Thủy tinh, Hải vương tinh D. Hỏa tinh, Thiên vương tinh  **5. Thiên thể tự phát sáng?**  A. Sao Bắc Cực B. Sao Bắc Cực, Sao chổi  C. Sao Hỏa, Sao Mộc D. Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao chổi  **6. Thiên thể thuộc hệ mặt trời?**  A. Sao Bắc Cực B. Sao Bắc Cực, Sao chổi  C. Sao Hỏa, Sao Mộc D. Sao Hoa, Sao Mộc, Sao chổi  7. **Hành tinh nào lớn nhất trong hệ Mặt Trời?**  A. Thủy tinh B. Trái đất C. Mộc tinh D. Thổ tinh  **8. Hành tinh nhỏ nhất trong hệ Mặt Trời?**  A. Mặt trăng B. Các vệ tinh nhân tạo  C. Kim tinh D. Thủy tinh  **9. Nhận xét nào không đúng?**  A. Thành ngữ “sao Hôm, sao Mai” trong văn học chỉ sự chia cách, nói lên sự xa xôi cách trở, khó có thể gặp mặt.  B. Sao Hôm được nhìn ở hướng tây vào chiều tối, sao Mai được nhìn thấy ở phía Đông lặn rất muộn sau các sao khác.  C. “Sao Hôm”, “sao Mai”, sao Kim hay Vệ nữ đều là các cách gọi dân gian cho Kim tinh  D. “ Sao Hôm” và “ Sao Mai” là hai ngôi sao khác nhau và không bao giờ xuất hiện trên bầu trời cùng một thời gian.  **10. Có hành tinh nào trong hệ Mặt Trời không được đặt tên theo tên các vị thần La Mã?**  A. Trái đất B. Trái đất và Thiên vương tinh  C. Thiên vương tinh và Hải vương tỉnh D. Không có. |

*c. Sản phẩm:*

- Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** |
| 1 | A |
| 2 | B |
| 3 | B |
| 4 | A  Giải thích thêm:  -Hành tinh có nhiệt độ trung bình bề mặt cao nhất là Kim tinh, hơn 462 độ C  - Hành tinh có nhiệt độ trung bình bề mặt thấp nhất là sao Thiên Vương - 224 độ C |
| 5 | A |
| 6 | D |
| 7 | C |
| 8 | D  Giải thích thêm:  Mặt Trăng là vệ tinh trong hệ Mặt Trời không phải là hành tinh. Bởi vì hành tinh quay quanh Mặt Trời, vệ tinh quay quanh các hành tinh, mà Mặt Trăng quay quanh Trái Đất nên nó là vệ tinh |
| 9 | D  Giải thích thêm. Từ trái đất nhìn lên bầu trời, độ sáng của Sao Hôm, Sao Mai chỉ đứng sau Mặt trăng.  Ngoài sao Kim thì hiện tượng một hành tinh xuất hiện luân phiên vài tháng lúc rạng sáng, biến mất một thời gian rồi lại xuất hiện còn xảy ra với cả sao Thủy, hành tinh gần Mặt trời nhất. Tuy nhiên do sao Thủy cách xa Trái đất hơn, nhỏ hơn sao Kim và bị ánh sáng Mặt Trời che khuất nên khó quan sát hơn và ít được chú ý hơn. |
| 10 | B   * Earth: Trái đất, không phải tên thần, nghĩa là đất nền * Uranus Thiên vương tinh thần bầu trời Hy lạp |

*d. Tổ chức thực hiện:*

*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập*:

- Y/c HS làm bài bài tập SGK/TR 199 trong 3 phút.

*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:*

- GV tổ chức trò chơi “Chinh phục hoa điểm 10” với các câu hỏi trắc nghiệm

*Bước 3: Báo cáo, thảo luận*

- Cử thư kí, học sinh trả lời sai sẽ thu lại thẻ trắc nghiệm. Học sinh còn thẻ đến câu cuối là chinh phục được điểm 10.

- GV: tổ chức hỏi đáp, thảo luận với các câu hỏi tự luận

*Bước 4: Kết luận, nhận định:*

Kết luận nội dung kiến thức.

**Hoạt động 4: Vận dụng***( Dự kiến thời gian 15phút)*

*a. Mục tiêu:*

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh thông qua nhiệm vụ: thiết kế mô hình HMT.

*b. Nội dung:*

- Nêu nhiệm vụ.

- HS phát hiện các vấn đề cần giải quyết: Các hành tinh có kích thước, màu sắc khác nhau Các hành tinh có khoảng cách đến mặt trời khác nhau, có quỹ đạo hình elip

- Đề xuất được biện pháp giải quyết vấn đề: ví dụ dùng các quả bóng kích thước màu sắc khác nhau, dùng xốp....

*c. Sản phẩm:*

+ Bản thiết kế.

+Mô hình hoặc ảnh minh chứng.

*d. Tổ chức thực hiện:*

Giao cho học sinh thực hiện ở nhà và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào buổi sau.

Ngày 15 tháng 05 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 11: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức***

- Học sinh hệ thống hóa được kiến thức:

+ Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời.

+ Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng.

+ Hệ Mặt Trời và Ngân Hà..

***2. Năng lực***

*- Năng lực chung:*

+ Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

+ Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập.

*- Năng lực khoa học tự nhiên:*

+ Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản về các vấn đề Trái Đất và bầu trời.

***3. Phẩm chất***

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học.

- Quan tâm tới bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, laptop.

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu, phiếu học tập, bảng phụ.

- Các câu hỏi và đáp án liên quan trong trò chơi “Quan sát nhanh – kết luận nhanh”:

|  |
| --- |
| **Câu 1**: Trái đất có hiện tượng ngày và đêm luân phiên là do:  A. Mặt Trời mọc ở đằng đông, lặn ở đằng tây.  B. Trái đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ tây sang đông.  C. Trái đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ đông sang tây.  D. Mặt trời chuyển động từ đông sang tây.  ***Đáp án***: B  **Câu 2**: Ta nhìn thấy các hình dạng khác nhau của Mặt Trăng vì:  A. Mặt Trăng thay đổi hình dạng liên tục.  B. Mặt Trăng thay đổi độ sáng liên tục.  C. Ở mặt đất ta thấy các phần khác nhau của Mặt Trăng được chiếu sáng bởi Mặt Trời.  D. Trái Đất tự quay quanh trục của nó liên tục.  ***Đáp án***: C  **Câu 3**: Mặt Trời là một:  A. Vệ tinh. B. Ngôi sao. C. Hành tinh. D. Sao băng.  ***Đáp án***: B  **Câu 4**: Khi nói về hệ Mặt Trời phát biểu nào sau đây sai?  A. Các hành tinh chuyển động quanh Mặt Trời theo cùng một chiều.  B. Sao chổi là thành viên của hệ Mặt Trời.  C. Hành tinh xa Mặt Trời nhất là Thiên Vương tinh.  D. Hành tinh gần Mặt Trời nhất là Thủy tinh.  ***Đáp án***: C  **Câu 5**: Một thiên thạch bay vào bầu khí quyển của Trái Đất, bị ma sát mạnh đến nóng sáng và bốc cháy, để lại một vệt sáng dài. Vệt sáng này gọi là:  A. Sao đôi. B. Sao băng. C. Sao chổi. D. Sao siêu mới.  ***Đáp án***: B  **Câu 6:** Trong hệ Mặt Trời, ngoài Mặt Trời có mấy hành tinh?  A. 7. B. 8. C.9. D. 10.  ***Đáp án***: B |

- Phiếu học tập.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Nhóm:…. |
| **Câu hỏi**: Trái Đất không tự phát sáng mà được chiếu sáng bởi Mặt Trời.  a, Vì sao Mặt Trời chỉ được chiếu sáng được một nửa Trái Đất?  b, Phần nào của Trái Đất sẽ là ban ngày? Phần nào của Trái Đất sẽ là ban đêm? |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Nhóm:…. |
| **Câu hỏi**: Chọn các từ *Mặt Trăng, Sao Thủy, Ngân Hà, Trái Đất, Mặt Trời* để điền vào cột B trong bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **A: Đặc điểm** | **B: Tên thiên thể** | | Mặt trăng là vệ tinh của |  | | Tên thiên hà của chúng ta là |  | | Thiên thể trong danh sách là ngôi sao |  | | Hai thiên thể trong danh sách là hành tinh |  | | Các thiên thể trong danh sách được Mặt Trời chiếu sáng |  | | Những thiên thể trong danh sách là thành phần của hệ Mặt Trời |  | |

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Dự kiến thời gian: 5’)*

**Chơi trò chơi “Quan sát nhanh – kết luận nhanh”**

*a. Mục tiêu*: Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh hệ thống lại các kiến thức về lực, nhằm giúp học sinh hiểu những kiến thức của bản thân về các vấn đề có nội dung liên quan đến Trái Đất và bầu trời.

*b. Nội dung*: GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi bằng cách trình chiếu các câu hỏi*.* HS giơ tay nhanh nhất sẽ giành được quyền trả lời.

*c. Sản phẩm*: Lời giới thiệu vào bài mới của giáo viên, học sinh hứng thú học tập, nhớ lại một số kiến thức về chủ đề ôn tập.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Thông báo luật chơi:*** GV trình chiếu nội dung các câu hỏi. Trả lời đúng câu hỏi sẽ nhận được một phần quà. Trả lời sai thì HS còn lại có quyền trả lời câu hỏi đã được chọn (HS giơ tay nhanh nhất sẽ giành được quyền trả lời).

***- Tổ chức học sinh chơi trò chơi:*** GV sử dụng máy tính, điều khiển trò chơi.

***- Thông báo kết quả của các đội và đặt vấn đề vào bài:*** Các em đã vừa cùng nhớ lại những kiến thức về Trái Đất và bầu trời. Để hệ thống lại những kiến thức đã được học trong chủ đề này, chúng ta cùng bước vào bài học hôm nay: “Ôn tập chủ đề 11”.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 20’)* **Hệ thống hóa kiến thức**

*a. Mục tiêu*: Hệ thống hoá được kiến thức về Trái Đất và bầu trời.

*b. Nội dung*: GV hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống hoá kiến thức theo nhóm.

*c. Sản phẩm*: Sơ đồ tư duy của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

***+*** HS hoạt động nhóm, sử dụng bút dạ nhiều màu và giấy A3 vẽ sơ đồ tư duy để hệ thống hoá kiến thức đã được học trong chủ đề Trái Đất và bầu trời.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

***+*** Mỗi nhóm sẽ thảo luận và hoàn thành sơ đồ tư duy của nhóm mình trong thời gian 5 phút. Sau khi hoàn thành xong, các nhóm sẽ trình bày sơ đồ tư duy của nhóm mình, nhóm khác nhận xét.

***- Báo cáo, thảo luận:***

***+*** Lần lượt các nhóm lên bảng trình bày kết quả.

+ Mời nhóm khác nhận xét.

+ GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung.

***- Kết luận, nhận định:***

+ Tổng hợp để đi đến một sơ đồ tư duy hoàn chỉnh.



**Hoạt động 3: Luyện tập (10ph)**

*a. Mục tiêu*: HS giải được một số bài tập trong chủ đề.

*b. Nội dung*: GV sử dụng phương pháp dạy học bài tập để định hướng cho HS giải một số bài tập cho cả chủ đề.

*c. Sản phẩm*: Đáp án một số bài tập trong chủ đề.

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

+ Nhóm 1,2: Làm bài tập 1, 2, 3 sgk/194.

+ Nhóm 3,4: Làm bài tập 1, 2, 3sgk/199

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

**+** Các nhóm sẽ thảo luận và giải các bài tập của nhóm mình vào bảng nhóm. Thời gian thực hiện 10 phút. Sau khi hoàn thành xong, các nhóm sẽ gắn bảng của nhóm mình lên bảng.

***+*** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết

***- Báo cáo, thảo luận:***

+ Mời lần lượt các nhóm gắn kết quả lên bảng.

+ Mời nhóm khác nhận xét

+ GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung.

**Nhóm 1, 2:**

Câu 1: Đáp án C

Câu 2: Đáp án B

Câu 3: Chu kì của tuần trăng là 29,5 ngày. Khoảng thời gian đó chính là khoảng thời gian để Mặt Trăng quay trở lại vị trí của nó giữa Mặt Trời và Trái Đất.

**Nhóm 3, 4:**

Câu 1: Đáp án A

Câu 2: Hải Vương Tinh , cách Trái Đất 29,06 Au

Câu 3: Không. Mặt Trăng là một vệ tinh tự nhiên của Trái Đất.

***- Kết luận, nhận định***

+ GV thông báo thang điểm của mỗi bài.

+ Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm

+ GV kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm.

***Hoạt động 4: Vận dụng (10ph)***

*a. Mục tiêu*: Học sinh vận dụng kiến thức đã ôn tập trả lời các câu hỏi thực tế.

*b. Nội dung*: HS hoàn thành phiếu học tập số 2.

*c. Sản phẩm*: Phiếu học tập số 2

*d. Tổ chức thực hiện:*

***- Giao nhiệm vụ học tập:***

+ Hoàn thành phiếu học tập số 2, tiết sau nộp lại cho GV.

***- Thực hiện nhiệm vụ:***

***+*** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết

***- Báo cáo kết quả:***

+ Tiết học tiếp nộp phiếu học tập số 2 cho GV

***C. Dặn dò***

- Học sinh ôn tập các kiến thức trong chủ đề Trái Đất và Bầu Trời, hoàn thành phiếu học tập số 2.

- Chuẩn bị kiến thức cho giờ sau kiểm tra đánh giá cuối kì II.

***- Kết luận, nhận định:***

***Kiểm tra đánh giá thường xuyên***

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Hệ thống được kiến thức của chủ đề ôn tập |  |  |  |  |

Ngày 16 tháng 05 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Ôn tập lại kiến thức đã học

- Hoàn thiện giải một số bài tập phát triển năng lực khoa học tự nhiên để chuẩn bị kiểm tra học kì II.

**2. Về năng lực**

**- Năng lực chung:**

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề.

+ Giao tiếp và hợp tác: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

+ Giải quyết vấn đề: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập.

**- Năng lực khoa học tự nhiên:**

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về các chủ đề đã học ở HKII.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học tham gia giải quyết các nhiệm vụ ôn tập.

**3. Về phẩm chất**

- Yêu thích thế giới tự nhiên, yêu thích khoa học.

- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm.

- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong môn học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Tranh ảnh, slide, máy chiếu, SGV, ...

- Vở ghi, SGK, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước.

- Phiếu học tập.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu** *(Dự kiến thời gian: 5’)*

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng khởi cho HS vào bài.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:** Nhằm giúp các em củng cố lại các kiến thức và kỹ năng đã được học trước khi kiểm tra cuối kì II. Hôm nay chúng ta sẽ giúp các em hệ thống thống lại kiến thức đã được học.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** Giáo viên cho HS suy nghĩ vấn đề đặt ra.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Giáo viên sẽ nhận xét, đánh giá một số ý kiến.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**Đánh giá HS theo nhu cầu bài học cần tìm hiểu.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1** *(Dự kiến thời gian: 40’)*

**Hoạt động 2.1: Ôn tập kiến thức về chủ đề 8 (10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng sinh học, vai trò của đa dạng sinh học, sự suy giảm đa dạng và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV hướng dẫn HS tham gia một số trò chơi có tính tổng hợp như Đuổi hình bắt chữ, thiết kế áp phích nhanh về chủ để Bảo vệ đa dạng sinh học.

- Chia lớp thành 6 nhóm tương ứng với: Virus, giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Động vật, giới Thực vật.

- Để ôn tập phần Đa dạng sinh học, GV tổ chức trò chơi hoặc thi trả lời nhanh các câu hỏi về Đa dạng sinh học giữa các nhóm, vẽ sơ đồ tư duy thể hiện kiến thức đã học.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV đưa ra các câu hỏi thảo luận trong PHT.

- GV yêu cầu HS tham khảo SGK, thảo luận nhóm để rút ra kết luận về các lĩnh vực chủ yếu của KHTN.

- GV đưa ra các câu hỏi ứng dụng trong PHT và yêu cầu HS vận dụng để thực hiện.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- GV tổ chức cho HS lên báo cáo kết quả thảo luận.

- GV chốt lại kiến thức.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nghe và nhận xét, chọn nhóm trình bày tốt nhất

**Hoạt động 2.2: Ôn tập kiến thức về chủ đề 9 (10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS hệ thống hóa được kiến thức về lực.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:** GV sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm với kĩ thuật sơ đồ tư duy. GV hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS Hoạt động theo nhóm từ 4-6 người, vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- GV tổ chức cho HS lên báo cáo kết quả thảo luận.

- GV chốt lại kiến thức.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nghe và nhận xét, chọn nhóm trình bày tốt nhất

**Hoạt động 2.3: Ôn tập kiến thức về chủ đề 10 (10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS hệ thống hóa được kiến thức về các dạng năng lượng và cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:** GV sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm với kĩ thuật sơ đồ tư duy. GV hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề.

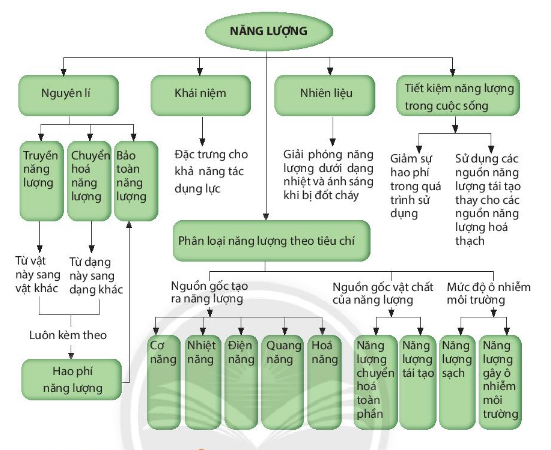
**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS Hoạt động theo nhóm từ 4-6 người, vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- GV tổ chức cho HS lên báo cáo kết quả thảo luận.

- GV chốt lại kiến thức.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nghe và nhận xét, chọn nhóm trình bày tốt nhất



**Hoạt động 2.4: Ôn tập kiến thức về chủ đề 11 (10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS hệ thống hóa được kiến thức về các dạng năng lượng và cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:** GV sử dụng PPDH hợp tác theo nhóm với kĩ thuật sơ đồ tư duy. GV hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy để tổng kết những kiến thức cơ bản của chủ đề.

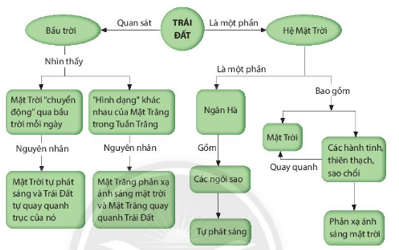
**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS Hoạt động theo nhóm từ 4-6 người, vẽ sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- GV tổ chức cho HS lên báo cáo kết quả thảo luận.

- GV chốt lại kiến thức.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:** GV nghe và nhận xét, chọn nhóm trình bày tốt nhất.



ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ RUBRICS

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức 1 (5đ)** | **Mức 2 (7đ)** | **Mức 3 (10đ)** | **Điểm** |
| Trả lời câu hỏi | Trả lời được khoảng 50% các ý đúng, diễn đạt còn chưa súc tích. | Trả lời được hầu hết các ý đúng, có thể viết còn dài hoặc quá ngắn. | Trả lời đúng câu hỏi. Viết/ trình bày rõ ràng, ngắn gọn. |  |
| Đóng góp ý kiến | Chỉ nghe ý kiến | Có ý kiến | Có nhiều ý kiến, ý tưởng |  |
| Tiếp thu, trao đổi ý kiến, hỗ trợ bạn cùng nhóm | Lắng nghe | Có lắng nghe, phản hồi | Lắng nghe ý kiến các thành viên khác, phẩn hồi và tiếp thu ý kiến có hiệu quả |  |

**Hoạt động 3: Luyện tập + Vận dụng (49ph)**

**Hoạt động 3.1: Luyện tập và vận dụng kiến thức về chủ đề 8 (10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:*

**Câu 1.** Hãy cho biết sinh vật nào dưới đây không cùng nhóm động vật với những sinh vật còn lại

A. Nấm túi B. Nấm men C. Nấm nhầy D. Nấm đảm

**Câu 2.** Sử dụng kiến thức đã học, hoàn thàng bảng theo mẫu sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giới sinh vật | Đại diện | Đặc điểm cấu tạo | Kiểu dinh dưỡng |
| Khởi sinh |  |  |  |
| Nguyên sinh |  |  |  |
| Nấm |  |  |  |
| Thực vật |  |  |  |
| Động vật |  |  |  |

**Câu 3.** Hoàn thành bảng theo mẫu sau bằng cách điền chức năng tương ứng với các thành phần cấu tạo của virus

|  |  |
| --- | --- |
| Thành phần cấu tạo của virus | Chức năng |
| Vỏ protein |  |
| Phần lõi |  |
| Vỏ ngoài |  |

**Câu 4.** Vi sinh vật là những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, nhân sơ hoặc nhân thực, có kích thước rất nhỏ, không quan sát được bằng mắt thường mà phải sử dụng kính hiển vi. Vi sinh vật có ở khắp mọi nơi trên Trái Đất, ngay ở điều kiện khắc nghiệt nhất như nhiệt độ cao trong miệng núi lửa, nhiệt độ thấp ở Nam Cực và áp suất lớn dưới đáy đại dương. Vì sinh vật có khoảng trên 100 nghìn loài, trong đó nhiều loài vi sinh vật có lợi nhưng cũng có nhiều loài gây bệnh cho người và sinh vật khác.

a) Vi sinh vật bao gồm những nhóm nào sau đây?

A. Vi khuẩn, nguyên sinh vật. B. Vi khuẩn, thực vật.

C. Nguyên sinh vật, thực vật. D. Nấm, động vật.

b) Nêu vai trò của vị sinh vật đối với con người.

c) Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ dinh dưỡng giữa vi sinh vật với các sinh vật khác như thực vật, động vật.

**Câu 5.** Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây truyền từ người sang người hoặc từ động vật sang người. Tác nhân gây bệnh thường là virus, vi khuẩn, nấm hoặc nguyên sinh vật. Các bệnh truyền nhiễm thường lây lan nhanh và có thể bùng phát thành dịch. Hãy khảo sát thực trạng bệnh truyền nhiễm ở địa phương em và lập bảng thống kê tên bệnh, tác nhân gây bệnh, biểu hiện và biện pháp phòng chống các bệnh đó.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm thảo luận và hoàn thành các yêu cầu đã giao.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Các HS để bài giải ra trước mặt bàn. GV đánh giá 1 số HS.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét kết luận:

**Câu 1 :** C

**Câu 2 :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giới sinh vật | Đại diện | Đặc điểm cấu tạo | Kiểu dinh dưỡng |
| Khởi sinh | Vi khuẩn E.coli, vi khuẩn lam | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân sơ | Tự dưỡng hoặc dị dưỡng |
| Nguyên sinh | Trùng roi, trùng đế giày, tảo lam | Cơ thể có cấu tạo đơn bào, nhân thực | Dị dưỡng hoặc tự dưỡng |
| Nấm | Nấm men, nấm mốc | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đơn hoặc đa bào | Dị dưỡng |
| Thực vật | Vi khuẩn E.coli, vi khuẩn lam | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào | Tự dưỡng |
| Động vật | Giun, cốc, cá, ếch,… | Cơ thể có cấu tạo tế bào nhân thực, đa bào | Tự dưỡng |

**Câu 3 :**

|  |  |
| --- | --- |
| Thành phần cấu tạo của virus | Chức năng |
| Vỏ protein | Bảo vệ phần lõi |
| Phần lõi | Chứa vật cất di truyền |
| Vỏ ngoài | Bảo vệ, giúp virus bám lên bề mặt tế bào chủ |

**Câu 4 :**

a) Đáp án A.

b) Vai trò của vì sinh vật đối với con người:

- Vì sinh vật tham gia vào chu trình sinh địa hoá phân huỷ xác sinh vật làm sạch môi trường;

- Một số nhóm vi sinh vật được sử dụng trong quá trình sản xuất, lên men.

c. Xác sinh vật (động vật, thực vật) => Vi sinh vật phân hủy => Mùn bã giùa chất dinh dưỡng => dinh dưỡng cho thực vật => làm thức ăn cho động vật

**Câu 5 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên bệnh | Tác nhân gây bệnh | Biểu hiện | Biện pháp phòng chống |
| 1 | Bệnh sốt xuất huyết | Virus dengue | Đau đầu, sốt, phát ban, chảy máu cam, nôn,… | Diệt muỗi, diệt bọ gậy, ngăn ngữa muỗi đốt,…. |
| 2 | Bệnh tiêu chảy | Vi khuẩn đường ruột | Buồn nôn, nôn, đau đầu, tiêu chảy | Rửa tay đúng cách theo khuyến cáo, ăn uống hợp vệ sinh. Vệ sinh môi trường sạch sẽ |

- Đánh giá được bạn nào làm được nhiều bài tập. Khen ngợi học sinh.

**Hoạt động 3.2: Luyện tập và vận dụng kiến thức về chủ đề 9(10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:

**Câu 1.** Trên vỏ một hộp sữa có ghi 450g. Số ghi đó cho biết điều gì ?

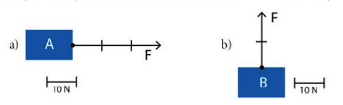
A. Khối lượng của hộp sữa B. Trọng lượng của sữa trong hộp

C. Trọng lượng cảu hộp sữa D. Khối lượng của sữa trong hộp

**Câu 2.** Một vật có khố lượng 100g sẽ có trọng lượng bao nhiêu

A. 100N B. 1N C.10N D.0,1N

**Câu 3 :** Diễn tả bằng lời các yếu tố của các lực được vẽ ở hình dưới đây :



**Câu 4 :** Bạn Ân đá vào quả bóng đang nằm yên trên mặt đất. Điều gì sẽ xảy ra ngay sau đó:

A. Quả bóng chỉ biến đổi chuyển động

B. Quả bóng chỉ biến dạng

C. Quả bóng vừa biến đổi chuyển động vừa biến dạng

D. Quả bóng vẫn đứng yên

**Câu 5 :** Hãy giải thích các hiện tượng sau:

a) Ô tô đi vào bùn dễ bị sa lầy.

b) Khi đi trên sàn nhà đá hoa mới lau dễ bị ngã.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 2 đội (tên đội cho HS tự chọn.

- GV yêu cầu 1 HS trả lời.

- GV cho thời gian suy nghĩ và thảo luận cho mỗi câu hỏi là 7 phút.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- Mời đại diện của nhóm gọi tên đội nhanh nhất để trả lời.

- Mời thành viên cùng nhóm hoặc nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- Giáo viên nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến bổ sung.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

- Giải đáp thắc mắc của HS và sửa bài tập:

Câu 1. Đáp án D.

Câu 2. Đáp án B.

Câu 3.

a) Lực F tác dụng lên vật A có hướng nằm ngang từ trái sang phải và có độ lớn 30N.

b) Lực F tác dụng lên vật B có hướng thẳng đứng từ dưới lên và có độ lớn 20 N.

Câu 4. Đáp án C.

Câu 5.

a) Ô tô đi trên bùn dễ bị sa lẩy vì lực ma sát giữa bánh xe và mặt đường dính bùn nhỏ, làm cho bánh xe không bám vào mặt đường được. Trường hợp này lực ma sát có lợi vì nhờ có nó mà xe mới di chuyển được và không bị sa lầy.

b) Khi ta đi trên sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã vì khi đó lực ma sát giữa chân ta và sàn nhà bị giảm do có nước dính trên sàn nhà. Trường hợp này ma sát có lợi vì nó giúp ta đi lại không bị trơn và tránh bị ngã.

**Hoạt động 3.3: Luyện tập và vận dụng kiến thức về chủ đề 10(10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:*

**Câu 1.** Con người có thể sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng dòng nước vào những việc gì?

**Câu 2.** Khi đi xe đạp tới trường, năng lượng cung cấp cho xe chuyển động được truyền từ đâu? Trong quả trình đạp xe, có năng lượng hao phí hay không? Nêu biện pháp làm giảm sự hao phí đó?

**Câu 3.** Xăng sinh học được tạo nên từ việc pha trộn xăng khoáng thông thường

xăng A92 với nhiên liệu sinh học bio-ethanol là nhiên liệu được sản xuất phần lớn từ các loại lương thực như ngô, sản, ngũ cốc và củ cải đường. Xăng sinh học E5 có tỉ lệ nhiên liệu sinh học từ 4% đến 5%. Xăng sinh học E10 có tỉ lệ nhiên liệu sinh học từ 9% đến 10%.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 2 đội (tên đội cho HS tự chọn.

- GV yêu cầu 1 HS trả lời.

- GV cho thời gian suy nghĩ và thảo luận cho mỗi câu hỏi là 7 phút.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- Mời đại diện của nhóm gọi tên đội nhanh nhất để trả lời.

- Mời thành viên cùng nhóm hoặc nhóm khác nhận xét và bổ sung.

- Giáo viên nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến bổ sung.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

- Giải đáp thắc mắc của HS và sửa bài tập:

Câu 1: Con người có thể sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió và năng lượng dòng nước vào những việc như phát điện, đun nước nóng, nhiên liệu động cơ và hệ thống điện độc lập nông thôn.

Câu 2: Khi đi xe đạp tới trường, năng lượng cung cấp cho xe chuyển động được truyền từ chân của người đạp xe. Trong quá trình đạp xe, có năng lượng hao phí do lực ma sát ở các ổ trục. Để làm giảm sự hao phí đó, người ta chế tạo ra các ö bị, bói trơn các ổ trục.

Câu 3: Những ưu thế của xăng sinh học so với xăng thông thường.

Xăng sinh học sử dụng cho động cơ khi đốt cháy sẽ ít thải ra các chất độc giảm thiểu sự hao mòn cho động cơ và ô nhiễm môi trường. Một điểm mạnh khá thú vị khác khi sử dụng xăng sinh học là giúp thúc đẩy, tạo công việc và thu nhập cho người nông dân. Ngoài ra, phát triển nhiên liệu sinh học giúp các quốc gia chủ động, không bị lệ thuộc vào vấn đề nhập khẩu nhiên liệu, đặc biệt với những quốc gia không có nguồn dầu mỏ và than đá. Đồng thời kiếm chế sự gia tăng giá dầu, ổn định tình hình

**Hoạt động 3.4: Luyện tập và vận dụng kiến thức về chủ đề 11(10ph)**

**a) Mục tiêu:** HS giải một số bài tập phát triển năng lực KHTN cho cả chủ đề.

**b) Nội dung:** HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập vận dụng kiến thức đã học:*

**Câu 1.** Hệ Mặt Trời gồm

A. các Thiên Hà, dải Ngân Hà, hành tỉnh, vệ tinh, các đám bụi khí.

B. Mặt Trời, các thiên thể chuyển động xung quanh Mặt Trời và các đám bụi, khí.

C. dải Ngân Hà, các hành tỉnh và các đám bụi, khí.

D. rất nhiều các ngôi sao, các hành tinh, các vệ tỉnh và các đám bụi, khí.

**Câu 2.** Trong hệ Mặt Trời, theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất là hành tỉnh ở vị trí

A. thứ nhất. B. thứ ba. C. thứ tư. D. cuối cùng.

**Câu 3.** Vào ban đêm, khi quan sát các ngôi sao, ta thấy chúng “chuyển động” trên bầu trời từ đông sang tây. Em hãy giải thích hiện tượng đó.

**Câu 4.** Tạo một hộp carton hình hộp chữ nhật kích thước 40 cm x 40 cm x 50 cm. Treo một bóng đèn điện công suất 5W và một quả bóng đường kính cỡ 10 cm cách đều các thành hộp. Tạo một khe hở nhỏ để nhìn vào trong hộp.

* Khi đèn tắt em có nhìn thấy quả bóng không?
* Bật đèn lên, em có nhìn thấy quả bóng không?
* Nếu có nhìn thấy quả bóng, em thấy một phần hay toàn bộ quả bóng. Mô tả những gì em nhìn thấy và hãy giải thích?

ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ RUBRICS

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức 1 (5đ)** | **Mức 2 (7đ)** | **Mức 3 (10đ)** | **Điểm** |
| Trả lời câu hỏi | Trả lời được khoảng 50% các ý đúng, diễn đạt còn chưa súc tích. | Trả lời được hầu hết các ý đúng, có thể viết còn dài hoặc quá ngắn. | Trả lời đúng câu hỏi. Viết/ trình bày rõ ràng, ngắn gọn. |  |
| Đóng góp ý kiến | Chỉ nghe ý kiến | Có ý kiến | Có nhiều ý kiến, ý tưởng |  |
| Tiếp thu, trao đổi ý kiến, hỗ trợ bạn cùng nhóm | Lắng nghe | Có lắng nghe, phản hồi | Lắng nghe ý kiến các thành viên khác, phẩn hồi và tiếp thu ý kiến có hiệu quả |  |

***Kiểm tra đánh giá thường xuyên:***

- Kết thúc bài học, GV cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh: ……………………………….

**Phiếu đánh giá RUBRIC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** | **Nhóm 4** |
| **Mức độ tham gia hoạt động nhóm**  1) Cótham gia nhưng không tập trung  2) Có tham gia, làm bài tập theo đúng các tiêu chí mà GV yêu cầu.  3) Nhiệt tính, sôi nổi, tích cực, làm nhanh, trật tự theo đúng các tiêu chí GV yêu cầu. |  |  |  |  |
| **Kết quả phiếu học tập**  1) Học sinh hoàn thành PHT nhưng chưa biết mình đúng-sai.  2) Học sinh hoàn thành đúng PHT, giải thích đúng.  3) Biết giải thích các hiện tượng đời sống. |  |  |  |  |
| **Tiếp thu, trao đổi ý kiến**  1) Chỉ nghe ý kiến.  2) Có nêu ý kiến cá nhân.  3) Có nhiều ý kiến, ý tưởng. |  |  |  |  |
| **Nghe báo cáo**  1) Có lắng nghe  2) Có lắng nghe, có phản hồi.  3) Lắng nghe, phản hồi và tiếp thu ý kiến hiệu quả. |  |  |  |  |
| **Kết quả làm bài tập vận dụng**  1) Trả lời đúng cả 2 ý của câu hỏi vận dụng  2) Trả lời đúng 1 ý của câu hỏi vận dụng |  |  |  |  |

Ngày 18 tháng 05 năm 2025 Họ và tên giáo viên: Lê Thị Hải Thanh

Tổ: Toán – KHTN - Công nghệ - Tin

**Tên bài dạy:**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**Môn học: KHTN Lớp: 6**

# Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. Mục tiêu:**

1. ***Kiến thức, kĩ năng, thái độ:***

***\* Kiến thức:*** Kiểm tra mức độ hiểu bài và quá trình tiếp thu kiến thức đã học của HS trong học kì II.

***\* Kỹ năng:***

- Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng đơn giản.

- Vận dụng kiến thức để giải một số bài tập.

- Rèn kỹ năng sữ dụng thuật ngữ trong giải thích các hiện tượng liên quan.

***\* Thái độ:***

Nghiêm túc, trung thực, tự giác trong kiểm tra.

1. ***Định hướng phát triển năng lực của học sinh:***

Năng lực độc lập; năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề; năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Năng lực dự đoán, suy luận lý thuyết, phân tích.

**II. Bảng mô tả ma trận đề: (kèm theo)**

**III.Đề kiểm tra: (kèm theo)**

**IV. Đáp án và biểu điểm: (kèm theo)**

**V. Thống kê kết quả:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lớp** | **Sĩ số** | **Chưa đạt** | | **Đạt** | | **Khá** | | **Giỏi** | | **TB trở lên** | |
| < 5.0 | | 5.0 đến < 6.5 | | 6.5 đến < 8.0 | | 8.0 đến 10.0 | | 5.0 đến 10.0 | |
| SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% | SL | TL% |
| **1** | **6A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**VI. Nhận xét, rút kinh nghiệm**

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………